Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG: THCS DŨNG SĨ ĐIỆN NGỌC
TỔ: TOÁN - TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023-2024)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 41**; Số học sinh:** 1755

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 15; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 15; Trên đại học:2.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:15.

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo
1	Nguyễn Thị Năm	1975	Đại học	Toán - Tin
2	Đặng Thị Ánh Nguyệt	1981	Đại học	Toán - Tin
3	Lê Thị Thanh Xuân	1983	Đại học	Toán - Tin
4	Lê Hoàng Thảo My	1993	Đại học	Toán
5	Lê Nguyễn Hòa Ngân	1990	Thạc sĩ	Toán
6	Nguyễn Trường Hùng	1990	Đại học	Toán
7	Nguyễn Thị Phúc	1990	Đại học	Toán - Tin

8	La Anh Thy	2000	Đại học	Toán
9	Nguyễn Thị Bích Hà	1991	Đại học	Toán
10	Lê Thị Thu	1986	Thạc sĩ	Tin
11	Trần Thị Ánh Ngọc	1984	Đại học	Tin
12	Đỗ Lê Kiều Oanh	1998	Đại học	Toán
13	Trương Thị Minh Hiếu	2000	Đại học	Toán
14	Nguyễn Thị Thúy Hằng	2000	Đại học	Toán
15	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	2000	Đại học	Toán

***3.* Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáodục)*

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ thiết bị dạy hình học trực quan	6	Dùng cho các bài Hình học trực quan	
2	Bộ thiết bị dạy hình học phẳng	6	Chương VIII Toán 6	
3	Bộ thước vẽ bảng dạy học (Thước thẳng, thước đo góc, compa, eke)	15	Cả năm học	
4	Bộ thiết bị dạy thống kê và xác xuất	6	Chương IX Toán 6	
5	Máy chiếu (màn hình tivi)	1	Cả năm học	
6	Máy tính cầm tay	2	Tiết TH-TN: Sử dụng máy tính cầm tay	GV có thể tự chuẩn bị
7	Nhiệt kế	6	Bài 3 Toán 6	
8	Bàn cờ vua	6	Bài 6 Toán 6	
9	Bảng phụ	12	Cả năm học	

10	Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	15	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	GV có thể tự chuẩn bị
11	Bộ dụng cụ thực hành ngoài trời (giác kế, cọc tiêu, thước cuộn, ...)	3	Dùng cho các tiết thực hành ngoài trời	

***4.* Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng máy vi tính	1 phòng	+ Toán: Sử dụng để giảng dạy bài: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (Toán 6, 7, 8); Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam (Toán 7). + Tin: Sử dụng trong các tiết dạy và thực hành.	Cài sẵn phần mềm GeoGebra Classic

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

1.1. Phân phối chương trình Toán 6

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HK1: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.

MẠCH SỐ HỌC - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
1	1	**Chương I. Tập hợp các số tự nhiên** *Bài 1.* Tập hợp	- Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó. - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp). - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập	1	1	**Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn** *Bài 18.* Hình tam giác đều.	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông

			hợp.			Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 1)**	bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
	2	*Bài 2.* Cách ghi số tự nhiên	- Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân. - Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó. - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.				
	3	*Bài 3.* Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	- Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. - So sánh hai số tự nhiên.				
2	4	*Bài 4.* Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên. - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.	2	2	*Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 2)**	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
2	5,6	*Bài 5.* Phép nhân và phép chia số tự nhiên	- Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên. - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư). - Áp dụng tính chất của phép				

			nhân và phép chia trong tính toán (tính nhẩm, tính hợp lí). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên.				
3	7	Luyện tập chung	- Củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.	3	3	*Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 3)**	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
	8,9	*Bài 6.* Lũy thừa với số mũ tự nhiên	- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.				
4	10	*Bài 7.* Thứ tự thực hiện các phép tính	- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính giá trị của một biểu thức.	4	4	*Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

	11, 12	Luyện tập chung và ôn tập chương I	- Củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học. - Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.			hành. Hình thang cân **(Tiết 1)**	- Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
5	13, 14	**Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên** *Bài 8.* Quan hệ chia hết và tính chất	- Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.	5	5	*Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 2)**	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
	15	*Bài 9.* Dấu hiệu chia hết **(Tiết 1)**	- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.				
6	16	*Bài 9.* Dấu hiệu chia hết **(Tiết 2)**	- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác	6	6	*Bài 19.* Hình chữ nhật.	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh,

			định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.			Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 3)**	đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
	17, 18	*Bài 10.* Số nguyên tố	- Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số. - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.				
7	19	Luyện tập chung	Củng cố, rèn luyện kĩ năng: - Tìm các ước và bội. - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3. - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột	7	7	*Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 1)**	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
	20, 21	*Bài 11.* Ước chung. Ước chung lớn nhất	- Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.				
8	22	Ôn tập giữa kỳ 1		8	8	*Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 2)**	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.

	23	**Kiểm tra giữa kỳ 1**			9	Luyện tập chung **(Tiết 1)**	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
9	24, 25	*Bài 12*. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.	9	10	*Bài 20*. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 3)**	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
	26	Luyện tập chung	Củng cố, rèn luyện kĩ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thức tiễn.				
10(*)	27	Ôn tập chương II	- Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập	10			

			hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.				
	28, 29	**Chương III.Số nguyên** *Bài 13.* Tập hợp các số nguyên	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế. - Biểu diễn số nguyên trên trục số. - So sánh hai số nguyên.				
	30	*Bài 14.* Phép cộng và phép trừ số nguyên **(Tiết 1)**	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.				

11	31, 32	*Bài 14.* Phép cộng và phép trừ số nguyên **(Tiết 2,3)**	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.	11	11	Luyện tập chung **(Tiết 2)**	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
	33	*Bài 15.* Qui tắc dấu ngoặc	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí.				
12	34, 35	Luyện tập chung	- Củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.	12	12	Ôn tập chương IV	- Ôn tập, tổng kết đước toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế.
	36	*Bài 16.* Phép nhân số nguyên **(Tiết 1)**	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.				
13	37	*Bài 16.* Phép	- Thực hiện phép nhân hai số	13	13	*Bài 21.* Hình	- Nhận biết hình có trục đối xứng.

		nhân số nguyên **(Tiết 2)**	nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.			có trục đối xứng **(Tiết 1)**	- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
	38	*Bài 17*. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên. - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên. - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.				
	39	Luyện tập chung **(Tiết 1)**	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).				
14	40	Luyện tập chung **(Tiết 2)**	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).	14	14	*Bài 21*. Hình có trục đối xứng **(Tiết 2)**	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
	41	Ôn tập chương III	- Củng cố kiến thức toàn toàn chương 3. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải		15	*Bài 22*. Hình có tâm đối xứng (tiết 1)	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.

			quyết một số vấn đề trong thực tiễn.				- Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
15	42	THTN: Sử dụng máy tính cầm tay	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.	15	16	*Bài 22.* Hình có tâm đối xứng (tiết 2)	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
	43	**Chương VI. Phân số** *Bài 23.* Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (tiết 1)	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.		17	Luyện tập chung (tiết 1)	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.
16	44	*Bài 23.* Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau (tiết 2)	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.	16	18	Luyện tập chung (tiết 2)	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.

	45	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần số học		19	Ôn tập chương V	- Củng cố lại kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể. - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh
17	46	Ôn tập cuối kỳ 1 (tt)	Phần số học	17	20	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần hình học
	47	**Kiểm tra cuối kỳ 1**			21	**Kiểm tra cuối kỳ 1**	
18	48, 49	THTN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, … đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, … và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.	18	22,23	THTN: Tấm thiệp và phòng học của em	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mĩ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, …

HK2: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết

MẠCH SỐ HỌC - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				**MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
19	50,51	*Bài 24.* So sánh phân số. Hỗn số dương	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số.	19	24	**Chương VIII. Những**	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đ qua hai điểm phân biệt

			- Nhận biết được hỗn số dương. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.			**hình hình học cơ bản** *Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 1)**	
	52	Luyện tập chung **(Tiết 1)**	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số				
20	53,54	Luyện tập chung **(Tiết 2,3)**	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.	20	25	*Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 2)**	- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng. - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.
	55	*Bài 25.* Phép cộng và phép trừ phân số **(Tiết 1)**	- Nhận biết được quy tắc cộng phân số. - Nhận biết số đối của một				

			phân số - Thực hiện được phép cộng phân số.				
21	56	*Bài 25.* Phép cộng và phép trừ phân số **(Tiết 2)**	- Nhận biết được quy tắc trừ phân số. - Thực hiện được phép trừ phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số - Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.	21	26	*Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 3)**	- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan
	57,58	*Bài 26.* Phép nhân và phép chia phân số	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài				

			toán có liên quan.				
22	59	*Bài 27.* Hai bài toán về phân số	- Tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số.	22	27	*Bài 33.* Điểm nằm giữa hai điểm. Tia **(Tiết 1)**	Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.
	60,61	Luyện tập chung	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số. - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.				
23	62	Ôn tập chương VI	- Ôn tập kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối	23	28	*Bài 33.* Điểm nằm giữa hai điểm. Tia **(Tiết 2)**	- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. - Giải các bài toán thực tế có liên quan.

			chương.				
	63	**Chương VII. Số thập phân** *Bài 28.* Số thập phân	- Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh hai số thập phân. - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.				
	64	*Bài 29.* Tính toán với số thập phân **(Tiết 1)**	- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân. - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.				
24	65,66,67	*Bài 29.* Tính toán với số thập phân **(Tiết 2, 3,4)**	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân. - Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân. - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.	24	29	*Bài 34.* Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng **(Tiết 1)**	- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng
25	68	*Bài 30.* Làm tròn và ước lượng	- Làm tròn số thập phân. - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống	25	30	*Bài 34.* Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng **(Tiết 2)**	- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài. - Biết so sánh độ dài hai đoạn

			thực tiễn.				thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.
	69,70	*Bài 31.* Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	- Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng. - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.				
26	71	Luyện tập chung (tiết 1)	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 31. - Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.	26	31	Luyện tập chung (tiết 1)	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia,

							đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
	72	**Kiểm tra giữa kỳ 2**			32	**Kiểm tra giữa kỳ 2**	
27	73	Luyện tập chung (tiết 2)	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 31. - Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.	27	33	*Bài 35.* Trung điểm của đoạn thẳng	- Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.
	74	Ôn tập chương VII	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.		34	Luyện tập chung **(Tiết 2)**	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai

							điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
28	75,76	**Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm** *Bài 38.* Dữ liệu và thu thập dữ liệu	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.	28	35	*Bài 36.* Góc **(Tiết 1)**	- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc. - Nhận biết góc bẹt.
	77	*Bài 39.* Bảng thống kê và biểu đồ tranh **(Tiết 1)**	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.				
29	78	*Bài 39.* Bảng thống kê và biểu đồ tranh **(Tiết 2)**	- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh. - Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.	29	36	*Bài 36.* Góc **(Tiết 2)**	- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.
	79,80	*Bài 40.* Biểu đồ cột	- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê chotrước. - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.				

			- Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.				
30	81,82	*Bài 41.* Biểu đồ cột kép	- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép. - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.	30	37	*Bài 37.* Số đo góc **(Tiết 1)**	- Nhận biết được khái niệm số đo góc. - Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước. - So sánh hai góc.
	83	Luyện tập chung **(Tiết 1)**	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.				
31	84	Luyện tập chung **(Tiết 2)**	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.	31	38	*Bài 37.* Số đo góc **(Tiết 2)**	Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.
	85,86	*Bài 42.* Kết quả có thể và sự kiện trong trò	- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm.				

		chơi, thí nghiệm	- Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.				
32	87	*Bài 43.* Xác suất thực nghiệm	Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.	32	39	Luyện tập chung	Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.
	88	Luyện tập chung	HS được làm thí nghiệm, thu thập dự liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.				
	89	Ôn tập chương IX **(Tiết 1)**	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.				
33	90	Ôn tập chương IX **(Tiết 2)**	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.	33	40	Ôn tập chương VIII	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	91	THTN: Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	- Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính. - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống.				

	92	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.					
34	93	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.(tt)		34	41	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	
	94	**Kiểm tra cuối kỳ 2**			42	**Kiểm tra cuối kỳ 2**	
35	95,96	THTN: Hoạt động thể thaonàođược em yêu thích nhất trong hè **(Tiết 2)**	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.	35	43-44	THTN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGeba. - Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGeba.

1.2. Phân phối chương trình Toán 7

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HK1: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				**MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG**			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
1	1,2	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. - So sánh hai số hữu tỉ.	1	1,2	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập

2	3,4	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q. - Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.	2	3,4	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	- Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng. - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.
3	5,6	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lí.	3	5,6	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị. - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết.
4	7,8	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t1,2)	- Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. - Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,	4	7,8	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song	- Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song. - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song - Biết cách vẽ hai đường thẳng song song
5(*)	9	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t3)	- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.	5	9	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu. - Làm quen với chứng minh định lý
	10	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính (t1)	- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu		10	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí.

			ngoặc.				
6	11	Bài 4. Quy tắc chuyển vế (t2)	- Mô tả được quy tắc chuyển vế. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).	6	11	Ôn tập cuối chương 3	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩ năng.
	12	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện kỹ năng: Tính toán với lũy thừa của một số hữu tỉ; áp dụng quy tắc chuyển vế để giải các bài tìm x; tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.		12	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
7	13	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện kỹ năng: Tính toán với lũy thừa của một số hữu tỉ; áp dụng quy tắc chuyển vế để giải các bài tìm x; tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.	7	13,14	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh –cạnh
	14	Bài tập cuối chương 1	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩnăng.				
8	15	Ôn tập giữa kỳ 1		8	15	Luyện tập chung	Nhắc lại được định lí tổng ba góc trong một tam giác, định nghĩa hai tam giác bằng nhau, trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh của hai tam giác. Luyện tập các kĩ năng.
	16	**Kiểm tra giữa kỳ 1**			16	Ôn tập giữa kỳ 1	
9	17,1	Bài 5. Làm	Nhận biết số thập phân hữu	9	17,18	Bài 14.	Giải thích hai tam giác bằng nhau

	8	quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước			Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	theo trường hợp c-g-c và g-c-g. Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơngiản
10	19,20	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	10	19,20	Luyện tập chung	Nhắc lại được hai trường hợp bằng nhau cạnh – góc – cạnh, góc – cạnh – góc của hai tam giác. Luyện tập các kĩ năng.
11(*)	21,22 23,	Bài 7. Tập hợp các số thực	Nhận biết số thực, Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.	11			
	24	Luyện tập chung (t1)	Nắm vững các kiến thức về số vô tỉ, số thực đã học; Hiểu được thứ tự trên tập số thực; tính được căn bậc hai số học trong những trường hợp thuận lợi, sử dụng được MTCT tính căn bậc hai số học của một số không âm tùy ý đã cho.				

12	25	Luyện tập chung (t2)	Nắm vững các kiến thức về số vô tỉ, số thực đã học; Hiểu được thứ tự trên tập số thực; tính được căn bậc hai số học trong những trường hợp thuận lợi, sử dụng được MTCT tính căn bậc hai số học của một số không âm tùy ý đã cho.	12	21,22	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
	26	Bài tập cuối chương II	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩnăng.				
13	27,28	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.	14	23,24	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng	Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
14	29,30,31	Bài 18. Biểu đồ quạt tròn	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn	14	25	Luyện tập chung	Nhắc lại các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông Nhắc lại định nghĩa, tính chất tam giác cân, tam giác đều, đường trung trực của tam giác Chứng minh hai tam giác vuông bằng nhau trong các trường hợp đơn giản Nhận biết tam giác cân, đường trung trực của một đoạn thẳng.

15	32,33 34	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng	15	26	Luyện tập chung	Nhắc lại các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông Nhắc lại định nghĩa, tính chất tam giác cân, tam giác đều, đường trung trực của tam giác Chứng minh hai tam giác vuông bằng nhau trong các trường hợp đơn giản Nhận biết tam giác cân, đường trung trực của một đoạn thẳng.
16	35,36,37	Luyện tập chung Bài tập cuối chương V	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩnăng.	16	27	Bài tập cuối chương IV	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩ năng.
17	38	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần số và đại số	17	28	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần hình học
	39	**Kiểm tra cuối kỳ 1**			29	**Kiểm tra cuối kỳ 1**	
18	40,41	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	Ứng dụng các kiến thức, kĩ năng đã được trang bị để tìm hiểu về dân số và cơ cấu dân số của Việt Nam	18	30,31	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra	Sử dụng các hộp công cụ của phần mềm Geogebra để vẽ các hình đơn giản: đường thẳng song song, đường trung trực của đoạn thẳng, tia phân giác của một góc, tam giác biết độ dài ba cạnh, tam giác biết độ dài hai cạnh và số đo góc xem giữa, tam giác biết độ dài một cạnh và số đo hai góc kề với cạnh đó. Biết cách sử dụng phần mềm để kiểm tra các tính chất đã học của các hình đơn giản (số đo các góc,

							độ dài các cạnh)

HK2: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ				**MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ**			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
19	42,43	Tỉ lệ thức	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán	19	32,33	Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.
20	44	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán	20	34	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
	45	Luyện tập chung	Củng cố kiến thức về tính chất của tỉ lệ thức, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Rèn luyện kỹ năng lập các tỉ lệ thức từ một đẳng thức cho trước. Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải toán tìm các đại lượng chưa biết Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn liên quan		35	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác
21	46	Luyện tập	Củng cố kiến thức về tính	21	36,37	Luyện tập	Rèn luyện kỹ năng vận dụng các

		chung	chất của tỉ lệ thức, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Rèn luyện kỹ năng lập các tỉ lệ thức từ một đẳng thức cho trước. Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải toán tìm các đại lượng chưa biết Giải được một số bàitoán có nội dung thực tiễn liên quan			chung	định lí trong ba bài 31, 32, 33 để giải quyết các bài toán cụ thể.
	47	Đại lượng tỉ lệ thuận	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận				
22	48	Đại lượng tỉ lệ thuận	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận	22	38	Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác.	Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
	49	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch		39	Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác.	Nhận biết đường phân giác của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường phân giác trong một tam giác
23	50	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch	23	40	Sự đồng quy của 3đường trung trực trong 1 tam giác	Nhận biết đường trung trực của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực trong một tam giác

	51	Luyện tập chung	Củng cố khái niệm và tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch. Nhận biết các đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch trong giải toán		41	Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác	Nhận biết đường cao của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường cao trong một tam giác
24	52 53	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VI	Hệ thống được nội dung đã học trong chương và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức, kỹ năng đã học trong chương	24	42,43	Luyện tập chung	Luyện kĩ năng sử dụng các định lí về sự đồng quy của các đường đặc biệt trong tam giác.
25	54	Biểu thức đại số	Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số.	25	44	Ôn tập cuối chương IX.	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩ năng.
	55,56	Bài 25. Đa thức một biến (t1,2).	Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa				

			thức.				
26	57	Bài 25. Đa thức 1 biến (t3).	Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức	26	45	Ôn tập giữa kỳ 2	
	58	Ôn tập giữa kỳ 2			46	**Kiểm tra giữa kỳ 2**	
27	59,60	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức một biến. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức một biến. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức một biến trong tính toán.	27	47, 48	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t1,2)	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lậpphương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
28	61,62	Luyện tập chung	Củng cố khái niệm đa thức một biến và các thuật ngữ: hạng tử, hệ số và bậc của hạng tử, bậc cảu đa thức, hệ số cao nhất và hệ số tự do của một đa thức. Nâng cao kỹ năng cộng, trừ đa thức, biến đổi một biểu thức đại số đã cho thành một đa thức.	28	49,50	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t3) Luyện tập	
29	63,64	Phép nhân đa thức một biến	Thực hiện được phép nhân trong tập hợp các đa thức một biến. Nhận biết các tính chất của	29	51,52	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ	Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Tính diện tích xung quanh, thể

			phép nhân đa thức một biến. Vận dụng được những tính chất của phép nhân đa thức một biến trong tính toán			đứng tứ giác (t1,2)	tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
30	65,66	Phép chia đa thức một biến	Thực hiện được phép chia trong tập hợp các đa thức một biến. Nhận biết các tính chất của phép chia đa thức một biến. Vận dụng được những tính chất của phép chia đa thức một biến trong tính toán		53,54	Bài 38. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác(t3) Luyện tập	
31	67	Phép chia đa thức một biến	Thực hiện được phép chia trong tập hợp các đa thức một biến. Nhận biết các tính chất của phép chia đa thức một biến. Vận dụng được những tính chất của phép chia đa thức một biến trong tính toán	31	55	Bài tập cuối chương X	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩ năng.
	68	Luyện tập chung	Luyện tập kỹ năng thực hiện nhân và chia đa thức một biến và thực hiện phối hợp với cộng và trừ đa thức một biến.		56	Làm quen với biến cố (t1)	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản
32	69	Luyện tập chung	Luyện tập kỹ năng thực hiện nhân và chia đa thức một biến và thực hiện phối hợp với cộng và trừ đa thức	32	57	Làm quen với biến cố (t2)	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản

			một biến.		58,59	Làm quen với xác suất của biến cố.	Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.
33	70	Bài tập cuối chương VII	Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương; luyện tập các kĩ năng. Phần số và đại số	33	60,61	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VIII	Ôn tập, củng cố kiến thức của toàn chương.
					62	TH-TN: Vòng quay may mắn.	Xác định được một biến cố có xảy ra hay không ứng với một kết quả có thể của trò chơi, thí nghiệm So sánh được khả năng xảy ra hai biến cố bằng cảm nhận và kiểm chứng lại bằng kết quả thực nghiệm.
34	71	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.		34	63	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	
	72	**Kiểm tra cuối kỳ 2**			64	**Kiểm tra cuối kỳ 2**	
35	73,74	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	Chuyển đổi một số đơn vị đo độ dài và khối lượng thông dụng. Tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng. Tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với quy tắc 72 trong tài chính.	35	65,66	Hộp quà và chân đế lịch.	Ứng dụng kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn như mỹ thuật, thủ công…

1.3. Phân phối chương trình Toán 8

Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

HK1: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
1	1,2	Bài 1. Đơn thức	- Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơng thức. - Thu gọn đơn thức, nhận biết đơn thức đồng dạng, cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng.	1	1	Bài 10. Tứ giác	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi, giải thích định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi.
					2	Bài 11. Hình thang cân (t1)	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.
2	3,4	Bài 2. Đa thức	- Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức - Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến	2	3	Bài 11. Hình thang cân (t2)	
					4	Luyện tập chung	- Biết tính góc của tứ giác, hình thang, hình thang cân. - Biết chứng minh hình thang cân
3	5	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	- Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức	3	5	Bài 12. Hình bình hành(t1)	- Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành
	6	Luyện tập chung (t1)	- Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức.		6	Bài 12. Hình bình hành (t2)	
4	7	Luyện tập chung (t2)		4	7	Bài 12. Hình bình hành (t3)	
	8	Bài 4. Phép nhân đa thức (t1)	- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức		8	Luyện tập chung (t1)	Rèn luyện các kỹ năng: - Mô tả được hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành.
5	9	Bài 4. Phép	- Biến đổi, thu gọn biểu thức	5	9	Luyện tập	

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
		nhân đa thức (t2)	đại số có sử dụng phép nhân đa thức			chung (t2)	- Nhận biết được một tứ giác làhình bình hành
	10	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức	- Thực hiện được phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. - Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.		10	Bài 13. Hình chữ nhật	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dâu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật
6	11,12	Luyện tập chung	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức. - Thực hiện được phép chia đơn thức cho đơn thức, đa thức cho đơn thức (tr/hợp chia hết)	6	11,12	Bài 14. Hình thoi và hình vuông.	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông, giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông - Nhận biết dâu hiệu để một hình là hinh thoi, hình vuông
7	13	Ôn tập chương	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Cộng trừ đơn thức đồng dạng; Thu gọn đa thức; Các phép tính về nhân và chia đa thức.	7	13,14	Luyện tập chung	Rèn luyện các kỹ năng: - Mô tả được hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông. - Nhận biết được hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông. - Vận dụng được tính chất của các loại tứ giác này để giải quyết các bài tập có liên quan
	14	Ôn tập giữa kỳ 1	- Hệ thống, củng cố lại tất cả các kiến thức trong chương 1. - Rèn luyện các kỹ năng: Cộng trừ đơn thức đồng dạng; Thu gọn đa thức; Các phép tính về nhân và chia đa thức.				
8	15	Ôn tập giữa kỳ 1		8	15	Ôn tập chương III	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức đã học trong chương 3. - Vận dụng giải quyết các vấn đề có liên quan.

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
	16	**Kiểm tra giữa kỳ 1**			**16**	**Kiểm giữa kỳ 1**	
9	17,18	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu	- Nhận biết hằng đẳng thức ,mô tả hằng đẳng thức hiệu hai binhphương, bìnhphương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức	9	17,18	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t1,2)	- Định lí Thales trong tam giác (thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales.
10	19,20	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu	- Mô tả các hằng đẳng thức : lập phương của một tổng và lập phương của mộthiệu - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức	10	19	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t3)	
					20	Bài 16. Đường trung bình của tam giác	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác.
11	21,22	Bài 8 Tổng và hiệu hai lập phương	- Mô tả các hằng đăng thức : tổng, hiệu hai lậpphương - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích	11	21	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	- Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng.
					22	Luyện tập chung (t1)	- Biết định lý Thales, biết tính chất đường trung bình, đường phân giác trong tam giác. - Biết vận dụng những tính chất trên để t5ính độ dài đoạn thẳng.
12	23,24	Luyện tập chung	- Mô tả được các hằng đẳng thức đã học.	12	23	Luyện tập chung (t2)	

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
			- Vận dụng các hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tíchvà các bài tập có liên quan.		24	Bài tập cuối chương VI	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức đã học trong chương 4. - Vận dụng giải quyết các vấn đề có liên quan.
				XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ			
13	25,26	Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử; mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức.	13	25	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	- Thực hiện và li giải việc thu nhập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục
					26	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t1)	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước
14	27,28	Luyện tập chung	- Rèn luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử. - Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.	14	27	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t2)	
					28	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t1)	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trinh lớp 8
15	29	**TỔNG KẾT CHƯƠNG**	- Hệ thống, củng cố lại tất cả các kiến thức trong chương 2 . - Mô tả được các hằng đẳng thức, các cách phân tích đa thức thành nhân tử. - Vận dụng được các kiến thức	15	29	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ t2)	

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
			trong chương để giải quyết các vấn đề có liên quan.				
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM					30	Luyện tập chung (t1)	Rèn luyện các kỹ năng: - Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong.
15	30	Công thức lãi kép	- Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn lãi) sau N kì gửi tiết kiệm				
16	31	Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên đa thức	16	31	Luyện tập chung (t2)	
	32	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t1)	Sử dụng phân mềm GeoGbra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang.		32	TỔNG KẾT CHƯƠNG	- Thực hiện và li giải việc thu nhập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục. - Vẽ và phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ.
17	33	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t2)		17	33,34	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam	- Phân tích một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam
	34	Ôn tập cuối kỳ 1	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức đã học trong 2 chương 1 và 2 - Củng cố và rèn luyện các kỹ năng đối với các đơn vị kiến thức đã học.				
18	35	Ôn tập cuối kỳ 1		18	35	Ôn tập cuối kỳ 1	- Hệ thống lại tất cả các kiến thức đã học trong 3 chương 3,4 và 5 - Củng cố và rèn luyện các kỹ năng đối với các đơn vị kiến thức đã

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
							học.
18	**36**	**Kiểm tra học kì 1**		**18**	**36**	**Kiểm tra học kì 1**	

HKII: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
19	37	Bài 21. Phân thức đại số	- Nhận biết phân thức đại số ,tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thỏa mãn điều kiện xác định, nhận biết hai phân thức bằng nhau	19	37,38	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác
	38	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t1)	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi				
20	39,40	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t2,3)		20	39,40	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t1,2)	- Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn
21	41	Luyện tập chung (t1)	- Biết rút gọn phân thức. - Biết tìm đkxđ của phân thức - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức.	21	41	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t3)	
	42	Luyện tập chung			42	Luyện tập chung	Rèn luyện các kỹ năng:

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
		(t2)				(t1)	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng của hai tam giác.
22	43,44	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t1,2)	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán	22	43	Luyện tập chung (t2)	
					44	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (t1)	- Giải thích điịnh lí Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore
23	45	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t3)		23	45	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (t2)	
	46	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t1)	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán		46	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t1)	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng
24	47	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t2)		24	47	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t2)	
	48	Luyện tập chung (t1)	- Thực hiện các phép tính về phân thức đại số để rút gọn biểu thức. - Vận dụng các phép tính về phân thức đại số để giải quyết các bài toán có liên quan.		48	Bài 37. Hình đồng dạng	- Nhận biết hai hình đồng dạng; nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,… biểu hiện qua hình

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
							đồng dạng
25	49	Luyện tập chung (t2)		25	49,50	Luyện tập chung	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng.
	50	Bài tập cuối chương VI	- Biết giải các dạng bài tập trong chương 6. - Vận dụng các phép tính về phân thức đại số để giải quyết các bài toán có liên quan.				
26	51	Ôn tập giữa kì 2		26	51	Bài tập cuối chương IX	- Biết giải các dạng bài tập trong chương 9. - Vận dụng các phép tính về phân thức đại số để giải quyết các bài toán có liên quan.
	52	**Kiểm tra giữa kì 2**			**52**	**Kiểm tra giữa kì 2**	
27	53,54	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất.	27	53,54	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều. - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều.
28	55,56	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	28	55,56	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
							tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn dề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.
29	57,58	Luyện tập chung	- Biết giải phương trình. - Biết giải các bài toán thực tế bằng cách lập phươngtrình	29	57	Luyện tập chung	- Nhận biết được các loại hình khối trong thực tiễn.. - Tính được diện tíchxung quanh và thể tích các loại hình
					58	Bài tập cuối chương X	
				XÁC SUẤT THỐNG KÊ			
30	59,60	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	- Nhận biết khái niệm thực tế dẫn đến khái niệm hàm số; tính giá trị của hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phăng tọa độ khi biết tọa độ của nó; nhận biết đồ thị hàm số	30	59	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm.
					60	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t1)	- xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.
31	61,62	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất; vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực	31	61	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t2)	
					62	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế.

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
			tiễn.			xác suất và ứng dụng (t1)	- Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.
32	63,64	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng	- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng y=ax+b (a khác 0) - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.	32	63	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t2)	
					64	Luyện tập chung	– Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.
33	65	Luyện tập chung	- Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. – Nhận biết được đồ thị hàm số. – Lập được bảng giá trị và vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ $(a \neq 0)$. – Biết được hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ $(a \neq 0)$. – Giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).	33	65	Luyện tập chung	
	66	Bài tập cuối chương VII			66	Bài tập cuối chương VIII	
34	67	**Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.**		34	67	**Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.**	

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**	**Tuần**	**Tiết**	**Tên bài**	**Yêu cầu cần đạt**
	68				68		
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM				**HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM**			
35	69	Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính.	- Giới thiệu một vài ứng dụng đơn giản của hàm số bậc nhất trong tài chính	35	69	Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGbra để tính toán các phép tính trên phân thức đại số, giải phương trinh bậc nhất một ẩn và vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất
	70	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	- Ứng dụng định lí Thalès để đo chiều cao của ngọn cây (tòa nhà,tòa tháp) - Ứng dụng định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách những điểm không tới được		70	Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	- Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm bảng tính Excel, sử dụng một số hàm cơ bản và tính xác suất thực nghiệm của biến cố để có thể thấy rằng khi số lần thực hiện thí nghiệm càng lớn thì sác xuất thực nghiệm cằng xấp xỉ tốt cho sác xuất

1.4. Phân phối chương trình Toán 9

PHẦN ĐẠI SỐ

Tuần	**Tiết**	**Tên chủ đ / ài học**	**Nội dung/Mạch kiến thức**	**Yêu cầu cần đạt**	**Hình thức tổ chức dạy học**	**Ghi chú**
T tuần 1 đến tuần 1 (thực học						
1	1	§1.Căn bậc hai.	1.Căn bậc hai số học 2.So sánh các căn bậc	-Nắm được định nghĩa, ký hiệu về căn bậc hai số học của số không	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
			hai số học.	âm. - Biết được liên hệ giữa phép khai phương với quan hệ thứ tự và dùng liên hệ này để so sánh các số.		
	2	§2.Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = \lvert A \rvert$	1.Căn thức bậc hai 2.Hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = \lvert A \rvert$	- Biết cách tìm điều kiện xác định (hay điều kiện có nghĩa) của $\sqrt{A}$ và có kĩ năng thực hiện điều đó khi biểu thức A không phức tạp (bậc nhất, phân thức mà tử hoặc mẫu là bậc nhất, còn mẫu hay tử còn lại là hằng số hoặc bậc nhất, bậc hai dạng $a^2 + m$ hay $-(a^2 + m)$ khi m dương) -Biết cách chứng minh định lí $\sqrt{a^2} = \lvert a \rvert$ và biết vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = \lvert A \rvert$ để rút gọn biểu thức.	Dạy học trên lớp	
	3	Luyện tập §1, §2	Luyện tập §1, §2	-HS biết vận dụng hằng đẳng thức để giải các bài tập. -Biết vận dụng để giải các dạng toán thường gặp như: rút gọn, tìm x	Dạy học trên lớp	
	4	§4. Liên hệ giữa phép	1.Định lí	-Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$	Dạy học	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
2		nhân và phép khai phương.	2.Áp dụng	chỉ đúng khi và chỉ khi a, b không âm và chứng minh. -Nắm được hai quy tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai -Có kĩ năng dùng các qui tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức	trên lớp	
	5	Luyện tập §4	Luyện tập §4	-Củng cố các kiến thức về căn bậc hai số học và mối liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương - Vận dụng kiến thức để giải các dạng bài tập	Dạy học trên lớp	
	6	§5.Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	1.Định lí 2.Áp dụng	- Hs biết Quy tắc khai phương một thương, chia các căn bậc hai - HS hiểu được nội dung và chứng minh định lý liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.. - HS có kỹ năng dùng phép khai phương một thương và chia hai căn bậc hai trong tính toán.	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
3	7	Luyện tập §5		Luyện tập §5	- Hs biết Quy tắc khai phương một thương, chia các căn bậc hai - HS hiểu được nội dung và chứng minh định lý liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	Dạy học trên lớp	
4	8	Thực hành sử dụng máy tính Casio		1. Giới thiệu máy tính CASIO fx - 500 MS 2. Cách thực hiện	- Nắm được cách tính căn bậc 2 và một số phép toán biến đổi căn bậc hai đơn giản bằng máy tính bỏ túi. - Rèn luyện kĩ năng sử dụng máy thành thạo.	Dạy học trên lớp	Không dạy §5. Bảng căn bậc hai
5	9	***hủ đề 1:*** Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc	§6. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai	1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn 3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu số	Thực hiện được các phép biến đổi: đưa thừa số ra ngoài dấu căn, đưa thừa số vào trong dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu	Dạy học trên lớp	Tiết 9: dạy mục 1 + 2 Tiết 10: dạy mục 3 Tiết 11: dạy mục 4 Tiết 12: Luyện tập
	10						
6	11						
	12		§7. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo)				

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
		hai				
7	13	§8 Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	1. Rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai 2. Luyện tập - vận dụng	- HS biết phối hợp các kỹ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai. - HS hiểu :cơ sở lời giải của các bài tập. - HS biết vận dụng các kỹ năng trên để giải các bài toán có liên quan. - HS thực hiện thành thạo các phép biến đổi	Dạy học trên lớp	
	14	Luyện tập §8	Luyện tập §8	- Biết phối hợp các kỹ năng biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai. - HS hiểu :cơ sở lời giải của các bài tập. - HS thực hiện được: HS được củng cố, rèn luyện kỹ năng rút gọn các biểu thức chứa căn thức. - HS rèn luyện thành thạo kỹ năng thực hiện các phép tính về căn thức.	Dạy học trên lớp	
8	15	Ôn tập giữa kỳ I	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Hệ thống kiến thức và rèn luyện các kỹ năng đến giữa HKI	Dạy học trên lớp	
	16	**Kiểm tra giữa kỳ 1**		Kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của học sinh đến giữa HKI	Kiểm tra viết trên lớp (tập trung)	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
9	17	Căn bậc ba	1. Khái niệm căn bậc ba 2. Tính chất	- HS biết: Nắm được định nghĩa căn bậc ba và kiểm tra được một số có phải là căn bậc ba của một số khác hay không. - HS hiểu: Được một số tính chất của căn bậc ba. - HS thực hiện được: Biết dùng định nghĩa để tính căn bậc ba của một số thực và biết dùng tính chất để rút gọn biểu thức chứa căn bậc ba - HS thực hiện thành thạo: So sánh các căn bậc ba.	Dạy học trên lớp	
9	18	Ôn tập chương I	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Hs biết: các kiến thức cơ bản về căn bậc hai. Hs hiểu: Các dạng bài tập về căn thức bậc 2 Hs thực hiện được các kỹ năng đã có về biến đổi biểu thức số và biểu thức có chứa căn bậc hai. Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
10	19	Ôn tập chương I (tiếp theo)		1. Lý thuyết 2. Bài tập	Hs biết: các kiến thức cơ bản về căn bậc hai. Hs hiểu: Các dạng bài tập về căn thức bậc 2 Hs thực hiện được các kỹ năng đã có về biến đổi biểu thức số và biểu thức có chứa căn bậc hai. Hs thực hiện thành thạo kỹ năng đã có về tính toán	Dạy học trên lớp	
10	20	Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số.		1. Ôn lại khái niệm hàm số 2. Ôn lại đồ thị của hàm số 3. Hàm số đồng biến, nghịch biến	- Nắm được khái niệm hàm số - Bước đầu nắm được khái niệm hàm số đồng biến, nghịch biến trên R. - HS tính thành thạo các giá trị của hàm số khi cho trước biến số, biết biểu diễn các cặp số (x, y) trên mặt phẳng tọa độ, - Hs biết vẽ thành thạo đồ thị hàm số y = ax.	Dạy học trên lớp	
11	21	***hủ đề 2:*** Hàm số	§2. Hàm số bậc nhất	1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất.	- HS nắm vững Khái niệm, tính chất của hàm số bậc nhất . - Hs vẽ thành thạo đồ thị hàm số bậc nhất - Hs vận dụng được tính chất hàm số vào bài tập		Tiết 21: dạy mục 1 + 2 Tiết 22: Luyện tập Tiết 23: dạy

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
	22	bậc nhất				Dạy học trên lớp	mục 3 Tiết 24: Luyện tập -Không yêu cầu hs vẽ đồ thị hàm số y= ax+b với a,b là các số vô Tiết 24: Luyện tập Bài 19/52 sgk khuyến khích hs tự làm
12	23		§3. Đồ thị của hàm số y=ax+b (a#0)				
	24						
13	25	§4 Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau.		1. Đường thẳng song song 2. Đường thẳng cắt nhau	- HS nắm vững điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) và y' = a'x + b' (a' ≠ 0) cắt nhau, song song với nhau , trùng nhau. -HS biết vận dụng lý thuyết vào việc giải các bài toán tìm giá trị của các tham số đã cho trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị của chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau. trùng nhau.	Dạy học trên lớp	
	26	Luyện tập §4			- HS củng cố được điều kiện để 2 đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) và y	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				= a'x + b (a'≠0) cắt nhau, song song và trùng nhau. - Học sinh hiểu và XĐ được hệ số a, b trong các bài toán cụ thể. - Rèn kỹ năng vẽ đồ thị hs bậc nhất - Học sinh xác định được các tham số đã cho trong các hs bậc nhất.		
14	27	§5. Hệ số góc của đường thẳng y = ax + b(a≠0)	1. Khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) 2. Luyện tập - vận dụng	HS nắm vững khái niệm góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0)và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b - Học sinh hiểu được rằng hệ số góc của đường thẳng liên quan mật thiết tới góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox. - Học sinh thực hiện thành thạo:Tìm hệ số góc.	Dạy học trên lớp	VD2, BT 28b; 31: Không dạy, không yêu cầu HS làm
	28	Luyện tập §5	Luyện tâp §5	-Củng cố mối liên hệ giữa hệ số góc a và góc α (góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b với trục Ox).Rèn luyện kĩ năng xác định hệ số góc a, hàm số y = ax + b, vẽ đồ thị hàm số y = ax + b, tính góc α , tính chu vi và	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				diện tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ.		
	29	Ôn tập chương II	1. Lý thuyết 2. Bài tập	- Học sinh biết việc hệ thống các kiến thức cơ bản của chương . -Học sinh làm thành thạo các bài tâọ cơ bản của chương	Dạy học trên lớp	Bài 37d, 38c /62sgk HS tự học có hướng dẫn.
15	30	§1 Phương trình bậc nhất hai ẩn	1. Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn 2. Tập nghiệm của phương trình bậc nhất một ẩn	-Học sinh nắm vững khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn -Học sinh nắm vững khái niệm nghiệm của nó -Hiểu tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn và biểu diễn hình học của nó. - Học sinh biết cách tìm nghiệm tổng quát và vẽ đường thẳng biểu diễn tập nghiệm của một phương trình bậc nhất hai ẩn	Dạy học trên lớp	
	31	§2 Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn .	1. Khái niệm về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn 2. Minh họa hình học tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	- Học sinh biết: Nắm được khái niệm nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ phương trình tương đương - Học sinh hiểu: Khái niệm hai hệ phương trình tương đương. minh họa bằng đồ thị	Dạy học trên lớp	Kết quả câu hỏi 2 trang 25sgkđưa vào cuối trang 10sgkđược sử dụng để làm các bài tập

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
						khác.
16	32	Luyện tập §1, §2	Luyện tập §1, §2	- HS biết tìm nghiệm tổng quát của PT bậc nhât hai ẩn - Biết xác định số nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn - HS minh họa hình học được nghiệm của hệ phương trình bậc nhất hai ẩn	Dạy học trên lớp	
17	33 34	Ôn tập HKI	1. Lý thuyết 2. Bài tập	- Ôn tập cho HS các kiến thức cơ bản về căn bậc 2, các kiến thức cơ bản về chương II. Ôn tập cho học sinh các kiến thức cơ bản về hàm số bậc nhất, về điều kiện để hai đường thẳng song song, trùng nhau, cắt nhau - Luyện kỹ năng biến đổi biểu thức có chứa căn bậc 2 và các câu hỏi có liên quan, luyện tập kỹ năng việc xây dựng PT đường thẳng, vẽ đồ thì của hàm số bậc nhất. .-Rèn các kỹ năng tính giá trị biểu thức, biến đổi biểu thức có chứa	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				căn thức bậc hai, xác định pt đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số.		
18	35	***iểm tra : 90' (ả ĐS &)***		- Qua kiểm tra để đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng HS. -Vận dụng phép biến đổi CBH vào rút gọn biểu thức, giải phương trình vô tỷ, chứng minh hình học.	Kiểm tra viết	
	36	***Trả bài kiểm tra (Phần ĐS)***		-Rút ra cho học sinh những sai sót trong ND kiến thức cũng như trong cách trình bày bài	Trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				- Đánh giá những phần làm được và chưa làm được để rút ra kinh nghiệm cho những lần sau - HS tự đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức, kĩ năng trong một học kì của mình. HS thấy rõ hơn ưu, khuyết điểm của mình trong bày kiểm tra.		
T tuần 1 đến tuần 35 (thực học						
19	37	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.	1. Qui tắc thế 2. Luyện tập - vận dụng	-Học sinh nắm vững cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế. - Học sinh hiểu: Hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng qui tắc thế - Học sinh thực hiện được: Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, - Học sinh thực hiện thành thạo: , HS không bị lúng túng khi gặp các trường hợp đặc biệt (hệ vô nghiệm, vô số nghiệm).	Dạy học trên lớp	
19	38	Luyện tập §3	Luyện tập §3	- Củng cố các bước giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				-Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.		
20	39	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.	1. Qui tắc cộng đại số 2. Vận dụng	- HS biết thế nào là giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đạisố. - HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng qui tắc cộng đại số và nắm vững cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp cộng đại số. -HS thực hiện được giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng pp cộng đai số. - HS thực hiện thành thạo trên các hệ phương trình cụ thể.	Dạy học trên lớp	
	40	Luyện tập §4	Luyện tập §4	- Củng cố các bước giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đạisố. -Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.	Dạy học trên lớp	
	41	**Thực hành**: Giải hệ phương trình bằng máy tính CASIO	1. Giới thiệu máy tính CASIO fx - 500 MS 2. Cách thực hiện	-Hs biết cách giải hệ pt (dạng chuẩn) trên MTBT - Rèn các thao tác bấm máy thành thạo	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
21	42	***hủ đề 4:*** Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình”	§5 Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình”:	1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình 2. Ví dụ	- HS nắm được các bước giải bàitoán bằng cách lập hệ pt. - HS nắm được phương pháp giảicác dạng bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. đặc biệt hs giải được các bài toán vềthực tế - Bước đầu có kỹ năng giải và trình bày hợp lý các giải bài toán .	Dạy học trên lớp	T1: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. T2 : Giải bài toán bằng cách lậphệphương trình. T3: Luyện tập *Chú ý chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế*
22	43		§6 Giải bài toán bằng cách lập hệphương trình”				
	44						
	45	Ôn tập chương III		1. Lý thuyết 2. Bài tập	-Hs giải hệ phương trình bậc nhất một cách thành thạo.	Dạy học trên lớp	Kết quả câu hỏi 2 trang

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
23					-Hs giải được các bài toán bằng cách lập hệ phương trình.		25sgk đưa vào cuối trang 10sgk được sử dụng để làm các bài tập khác.
	46	***hủ đề 5:*** Hàm số y= ax^2 (a ≠ 0) ”	§1.Hàm số y = ax^2 (a ≠ 0)	1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất hàm số y = ax^2 (a ≠ 0) 3. Đồ thị của hàm số y = ax^2 (a ≠ 0)	- Hiểu được tính chất và nhận xét về hàm số y = ax^2 (a ≠ 0) - Học sinh thực hiện được tính giá trị của hàm số bằng máy tính. - Hs vận dụng thành thạo cách tính giá trị của hàm số khi biết giá trị cho trước của biến số và ngược lại. - Hiểu được cách vẽ đồ thị hàm số y = ax^2 (a ≠ 0) với a là số hữu tỷ	Dạy học trên lớp	T46 mục 1 + 2 T47 Dạy mục 3 - Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số y=ax^2 nhờ đồ thị. Không chứng minh các tính chất đó bằng phương pháp biến đổi đại số. T48: Dạy cách vẽ đồ thị hàm số y=ax^2(a#0) -Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị hàm số y=ax^2(a#0) với a là số hữu
24	47		§2. Đồ thị của hàm số y = ax^2 (a ≠ 0)				
	48						
25	49						

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
						tỉ. T49: Luyện tập
	50	§3. Phương trình bậc hai một ẩn.	1. Bài toán mở đầu 2. Định nghĩa 3. Một số ví dụ về phương trình bậc hai	-HS nắm được định nghĩa phương trình bậc hai một ẩn có dạng tổng quát, dạng đặc biệt khi b hoặc c bằng 0 hoặc có b, c bằng 0. -Biết phương pháp giải 2 phương trình bậc 2 khuyết b hoặc khuyết c. HS bước đầu biết biến đổi phương trình dạng $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$) về dạng hiệu hai bình phương. HS thấy được tính thực tế của phương trình bậc hai một ẩn.	Dạy học trên lớp	Ví dụ 2 . *Giải:* Chuyển vế -3 và đổi dấu của nó, ta được: $x^2 = 3$ suy ra $x = \sqrt{3}$ hoặc $x = -\sqrt{3}$ (viết tắt là $x = \pm\sqrt{3}$). Vậy phương trình có hai nghiệm: $x_1 = \sqrt{3}, x_2 = -\sqrt{3}$ (*Được viết tắt* $x = \pm\sqrt{3}$ *).*
26	51	Luyện tập §3	Luyện tập §3	-HS biết biến đổi để đưa phương trình về dạng phương trình bậc hai tổng quát và biết xác định các hệ số a, b, c của phương trình. -HS có kỹ năng giải phương trình bậc hai khuyết b và khuyết c bằng phương pháp biến đổi đại số, bước	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
					đầu làm quen việc giải phương trình bậc hai đủ trong các trường hợp đơn giản bằng phương pháp biến đổi đại số.		
26	52	Ôn tập giữa kì 2		1. Lý thuyết 2. Bài tập	Ôn tập các kiến thức đã học về chương 3 đại số và một phần chương 4 và chương 3 hình học	Dạy học trên lớp	
27	53	**Kiểm tra giữa kì 2**		Từ đầu HKII đến giữa HK 2	- Qua kiểm tra để đánh giá mức độ nắm kiến thức chương III của tất cả đối tượng HS, cụ thể: Biết giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn và giải bài toán bằng cách lập hệ PT - Kiểm tra kỹ năng giải hệ PT qua bài làm của HS	Thi viết trên lớp (tập trung)	
27	54	***hủ đề 6:*** Công thức nghiệm của phương trình bậc hai	§4 Công thức nghiệm của phương trình bậc hai	1. Công thức nghiệm của phương trình bậc hai 2. Công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai	- HS nắm được hai công thức nghiệm của phương trình bậc hai $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$) .-HS nhớ và vận dụng được công thức nghiệm của phương trình bậc hai vào giải phương trình và giải các bài toán về Pt bậc hai một ẩn .	Dạy học trên lớp	T54 dạy mục 1 công thức nghiệm phương trình bậc hai T55 dạy luyện tập T56 dạy mục 2 công thức
28	55						
28	56		§5Công thức nghiệm thu gọn				
29	57						

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
						nghiệm thu gọn phương trình bậc hai T57 dạy luyện tập
29	58	**Thực hành**: Giải phương trình bậc hai bằng máy tính CASIO	1. Giới thiệu máy tính CASIO fx - 500 MS 2. Cách thực hiện	- Nắm được cách giải PT bậc 2 bằng máy tính bỏ túi. - Rèn luyện kĩ năng sử dụng máy thành thạo.	Dạy học trên lớp	
30	59	§6. Hệ thức Vi-et và ứng dụng.	1. Hệ thức Vi-ét 2. Tìm hai số biết tổng và tích của chúng	- Nắm vững định lý Vi–ét, biết chứng minh định lý. Hiểu các ứng dụng của định lý và định lý Vi-ét đảo. -Vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Vi–ét trong việc nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các trường hợp a + b + c = 0, a – b + c = 0 hoặc các trường hợp mà tổng và tích của hai nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không quá lớn. Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng.	Dạy học trên lớp	Bài 33/54 sgk khuyến khích hs tự làm.
	60	Luyện tập §6	Luyện tâp §6	-Củng cố và khắc sâu về hệ thức Vi–ét.	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
30				-HS biết vận dụng hệ thức Vi–ét để: - Tính tổng, tích các nghiệm của phương trình, nhẩm nghiệm của phương trình trong 2 trường hợp đặc biệt có a + b + c = 0 và a – b + c = 0 hoặc qua tổng và tích của 2 nghiệm. - Tìm 2 số biết tổng và tích của nó. - Lập phương trình biết 2 nghiệm của nó.		
	61	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai	1. Phương trình trùng phương 2. Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức 3. Phương trình tích	- HS biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích để giải. -HS được rèn luyện kỹ năng giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích để giải	Dạy học trên lớp	
	62	Luyện tập §7	Luyện tập §7	-HS được cũng cố và khắc sâu cách giải phương trình trùng phương,	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
31				phương trình chứa ẩn ở mẫu phương trình tích, phương trình bậc cao. -Rèn luyện kỹ năng giải một số phương trình quy về phương trình bậc hai như phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, một số phương trình bậc cao đưa về dạng phương trình tích		
	63	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	1. Bài toán ví dụ 2. Luyện tập – vận dụng	-HS biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn. Biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán. Biết trình bày cách giải một bài toán bằng cách lập phương trình. -Giải bài toán bằng cách lập phương trình	Dạy học trên lớp	
	64	Luyện tập §8	Luyện tập §8	- HS biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn. Biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán. Biết trình bày cách giải một bài toán bằng cách lập phương trình. -Rèn luyện kỹ năng giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bước phân tích đề bài, tìm ra mối	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình. Biết trình bày lời giải của một bài toán bậc hai.		
32	65	Ôn tập chương IV	1. Lý thuyết 2. Bài tập	-Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương: -Tính chất và dạng đồ thị hàm số y = ax^2 ($a \neq 0$). -Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai. -Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai. Tìm 2 số biết tổng và tích của nó. -Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu.	Dạy học trên lớp	Bài 66/64sgk khuyến khích hs tự làm.
33	66	***Ôn tập***		Hệ thống kiến thức và rèn luyện các kỹ năng	Dạy học trên lớp	
34	67	***Ôn tập cuối năm.***	1. Lý thuyết 2. Bài tập	- HS được ôn tập các kiến thức về căn bậc hai, hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai. Ôn tập cho HS cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. - Hs được rèn luyện kỹ năng về rút gọn, biến đổi căn thức, tính giá trị	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				biểu thức và một vài dạng câu hỏi nâng cao trên cơ sở rút gọn biểu thức chứa căn. - HS được rèn luyện thêm kỹ năng giải phương trình, giải hệ phương trình, áp dụng hệ thức Viét vào việc giải bài tập		
34	68	***Ôn tập cuối năm (ti p theo)***	1. Lý thuyết 2. Bài tập	- HS được ôn tập các kiến thức về căn bậc hai. , hàm số bậc nhất, hàm số bậc hai. Ôn tập cho HS cách giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. - Hs được rèn luyện kỹ năng về rút gọn, biến đổi căn thức, tính giá trị biểu thức và một vài dạng câu hỏi nâng cao trên cơ sở rút gọn biểu thức chứa căn. - HS được rèn luyện thêm kỹ năng giải phương trình, giải hệ phương trình, áp dụng hệ thức Viét vào việc giải bài tập	Dạy học trên lớp	
35	69	***iểm tra***		Kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của học sinh	Kiểm tra tập trung	
	70	***Trả bài kiểm tra HKII (Phần ĐS)***		-GV phân tích bài kiểm tra HKII qua kết quả bài làm của HS. -GV hướng dẫn HS chữa bài kiểm	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				tra HKII, GV chỉ ra những sai sót trong bài làm của HS qua từng bài. HS rút kinh nghiêm và cần tránh những sai sót trong bìa làm ở những lần sau.		

PHẦN HÌNH HỌC

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
T tuần 1 đến tuần 1 (thực học						
1	1	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.	1./ Hệ thức giữa cạnh góc vuông và hình chiếu của nó trên cạnh huyền 2./ Một số hệ thức liên quan đến đườngcao	- Biết được thế nào là hệ thức lượng trong tam giác vuông. - Hiểu cách chứng minh các hệ thức về cạnh góc vuông và hình chiếu của nó trên cạnh huyền (định lý 1) Hiểu các cách chứng minh các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (định lý 2,3 và 4) -Vận dụng được các hệ thức đó để giải toán và giải quyết một số bài	Dạy học trên lớp	
2	2					

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				toán thực tế.		
3	3	Luyện tập §1	Luyện tập §1	-HS biết : các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông -HS hiểu :Các bài tập vận dụng các hê thức trên vào giải bài tập -HS thực hiên được: Học sinh biết vận dụng các kiến thức trên để giải bài tập. -HS thực hiện thành thạo : HS biết vận dụng kiến thức mới để nhận xét bài của bạn	Dạy học trên lớp	
	4					
	5	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn	1. Khái niệm về tỉ số lượng giác của một góc nhọn. 2. Tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau	- Học sinh biết được định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn. - HS biết được định nghĩa tỉ số lượng giác của 2 góc phụnhau - HS hiểu được các hệ thức liên hệ giữa các tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau	Dạy học trên lớp	Kí hiệu tang của góc α là $\tan\alpha$, cotang của góc α là $\cot\alpha$.
4	6					

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	7	Luyện tập §2	Luyện tập §2	-HS biết: chứng minh 1 số hệ thức lượng giác . -HS hiểu được cách dựng góc nhọn khi biết 1 trong các tỉ số lượng giác của nó và -HS thực hiện được: Biết vận dụng các hệ thức lượng giác để giải bài tập có liên quan	Dạy học trên lớp	
	8	Thực hành- sử dụng máy tính CASIO	1. Tính các tỉ số lượng giác của một góc nhọn 2. Tính số đo góc nhọn khi biết TSLG của góc đó	HS biết sử dụng máy tính Casio để tính giá trị lượng giác của một góc cho trước và xác định số đo của góc biết tỉ số lượng giác của nó		Không dạy §3. Bảng lượng giác
5	9 10	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.	1. Các hệ thức 2. Áp dụng giải tam giác vuông	-HS nắm được các hệ thức lượng trong tam giác vuông -HS vận dụng được các hệ thưc trên trong tam giác vuông vào làm bài tập	Dạy học trên lớp	
6	11 12	Luyện tập §4	Luyện tập §4	- HS biết củng cố định nghĩa các tỉ số lượng giác của góc nhọn. - HS biết củng cố các hệ thức giữa cạnh và góc của 1 tam giác vuông .	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				-HS thực hiện được các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan -Hs thực hiện thành thạo: Các bài tập về giải tam giác vuông -Hs thực hiện thành thạo: Các bài tập về giải tam giác vuông		
7	13 14	5. Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời.	1. Xác định chiều cao 2. Xác định khoảng cách	- HS biết xác định chiều cao của 1 vật thể mà không cần lên điểm cao nhất của nó . - HS biết xác định khoảng cách giữa 2 địa điểm ,trong đó có 1 địa điểm khó tới được - Hs hiểu các hệ thưc giữa cạnh và góc của 1 tam giác vuông -HS được rèn luyện kĩ năng đo đạc trong thực tế	Dạy ngoài trời	
8	15	Ôn tập chương I		- HS được hệ thống hoá các kiến thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông - HS được hệ thống hoá các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của 1 góc nhọn và quan hệ giữa	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8				các tỉ số lượng giác của 2 góc phụ nhau - HS được rèn luyện kĩ năng sử dụng máy tính bỏ túi		
	16	**Kiểm tra giữa kì 1**		Qua kiểm tra để đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng đến giữa HKI	Kiểm tra viết trên lớp (tập trung)	
9	17	§1. Sự xác định đường tròn . Tính chất đối xứng của đường tròn	1. Nhắc lại về đường tròn 2. Cách xác định đường tròn 3. Tâm đối xứng 4. Trục đối xứng	- Học sinh hiểu được định nghĩa đường tròn, các cách xác định một đường tròn ,đường tròn ngoại tếp tam giác và tam giác nội tiếp đường tròn . - HS nắm được đường tròn là hình có tâm đối xứng ,có trục đối xứng - HS biết dựng đường tròn qua 3 điểm không thẳng hàng ,biết chứng minh một điểm nằm trên, nằm bên tronng ,nằm bên ngoài đường tròn. - HS biết vận dụng các kiến thức trong bài vào các tình huống thực tiễn đơn giản như tìm tâm của 1 vật hình tròn , nhận biết các biển giao	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				thông, hình tròn có tâm đối xứng ,trục đối xứng		
9	18	Luyện tập §1	Luyện tập §1	- HS được củng cố các kiến thứ về sự xác định đường tròn, tính chất đối xứng của đường tròn qua 1 số bài tập.	Dạy học trên lớp	
10	19	§2. Đường kính và dây của đường tròn.	1. So sánh độ dài của đường kính và dây cung 2.Quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây	- HS hiểu đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn , nắm được 2 định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm. - HS biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của 1 dây, đường kính vuông góc với dây.	Dạy học trên lớp	
10	20	Luyện tập §2	Luyện tập §2	- Học sinh biết: khắc sâu kiến thức đường kính là dây lớn nhất của đường tròn - Học sinh hiểu: định lí về quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây qua 1 số bài tập - Học sinh thực hiện được: kĩ năng	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				suy luận, chứng minh - Học sinh thực hiện thành thạo: kĩ năng vẽ hình		
11	21	§3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.	1. Bài toán 2. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	- Học sinh biết: các định lí trên để so sánh độ dài hai dây , so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây - Học sinh hiểu: được các định lí về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây. - Học sinh thực hiện được: rèn luyện tính chính xác trong suy luận và chứng minh - Học sinh thực hiện thành thạo: kỹ năng vẽ hình	Dạy học trên lớp	
11	22	Luyện tập §3		-Nắm vững các định lí về liên hệ giữa dây và k/cách từ tâm đến dây của một đường tròn. -Vận dụng các định lí trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các k/cách từ tâm đến dây.	Dạy học trên lớp	
12	23	§4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	1. Ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	- HS nắm được vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, các khái niệm tiếp tuyến, tiếp điểm.	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			2. Hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn	Nắm được các tính chất của tiếp tuyến. Nắm được các hệ thức giữa các khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính đường tròn ứng với từng vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.		
12	24	§5. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.	1) Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn 2) Áp dụng:	- Học sinh biết: Nắm được dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. - Học sinh hiểu: Thấy được một số hình ảnh về tiếp tuyến của đường tròn trong thực tế. - Học sinh thực hiện được: Biết vận dụng dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn vào các bài tập tính toán và chứng minh - Học sinh thực hiện thành thạo: Biết vẽ tiếp tuyến tại một điểm của đường tròn, vẽ tiếp tuyến đi qua một điểm nằm bên ngoài đường tròn	Dạy học trên lớp	
13	25	Luyện tập §4, §5	Luyện tập §4, §5	- Củng cố và khắc sâu định lý	Dạy học	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				quan hệ giữa đường kính và dây. - Nắm được phương pháp cm tếp tuyến đường tròn - Học sinh thực hiện được: Biết giải một bài toán dựng hình.HS được rèn luyện cách phân tích một bài toán để tìm lời giải - Học sinh thực hiện thành thạo: vận dụng các tính chất của dây, đường kính, tiếp tuyến của đường tròn để giải tốt các bài tập trong phạm vi sách giáo khoa	trên lớp	
13	26	§6. Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.	1.Định lí về hai tiếp tuyến cắt nhau 2.Đường tròn nội tiếp tam giác 3.Đường tròn bàng tiếp tam giác	- Học sinh biết: được tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau - Học sinh hiểu: thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam gíac ngoại tiếp đường tròn, hiểu được đường tròn bàng tiếp tamgiác - Học sinh thực hiện được: Biết vận dụng tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau vào các bài tập về tính toán và chứng minh. - HS biết tìm tâm của một vật hình	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học		Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)
					tròn bằng thước phân giác - Học sinh thực hiện thành thạo biết vẽ đường tròn nội tiếp 1 tamgiác cho trước .		
14	27	Luyện tập §6		Luyện tập §6	- Học sinh được củng cố tính chất tiếp tuyến của đường tròn. - Học sinh hiểu: đường tròn nội tiếp tam giác. - Học sinh bước đầu vận dụng tính chất của tiếp tuyến vào bài tập quỷ tích ,dựng hình. - Học sinh được rèn luyện kĩ năng vẽ hình, vận dụng cấc tính chất của tiếp tuyến vào các bài tập về tính toán và chứng minh	Dạy học trên lớp	
14	28						
15	29	***hủ đề 3:*** Vị trí tương đối của hai đường tròn.	§7. Vị trí tương đối của hai đường tròn.	1. Ba vị trí tương đối của hai đườngtròn 2.Tính chất đường nối tâm 3.Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính 4.Tiếp tuyến chung	- Học sinh nắm được 3 vị trí tươngđối của 2 đường tròn -HS nắm được hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính của 2 đường tròn ứng với từng vị trí tương đôi của 2 đườngtròn - Hs nắm được tính chất của đường nối tâm	Dạy học trên lớp	Tiết 30 dạy mục 1 + mục 2 Tiết 31: dạy mục 3 + mục 4 Tiết 32: Luyện tập
15	30		§8. Vị trí tương đối				
16	31						

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		của hai đường tròn (tt)	của hai đường tròn	- Hs hiểu và vẽ được tiếp tuyến chung của hai đường tròn		
16	32	Ôn tập chương II	1. Lý thuyết 2. Bài tập	HS nắm kiến thức của chương một cách có hệ thống, vận dụng lý thuyết vào làm được các bài tập cơ bản của chương.	Dạy học trên lớp	
17	33	Ôn tập HKI	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Đánh giá lượng kiến thức học sinh nắm được trong chương. - HS được rèn luyện kỹ năng vẽhình, kỹ năng tính toán	Dạy học trên lớp	
17	34	Ôn tập HKI	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Đánh giá lượng kiến thức học sinh nắm được trong chương. - HS được rèn luyện kỹ năng vẽhình, kỹ năng tính toán	Dạy học trên lớp	
18	35	***iểm tra***		Qua kiểm tra để đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng của các đối tượng HS.	Kiểm tra viết trên lớp	
18	36	***Trả bài kiểm tra (Phần)***		-Rút ra cho học sinh những sai sót trong ND kiến thức cũng như trong cách trình bày bài	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Đánh giá những phần làm được và chưa làm được để rút ra kinh nghiệm cho những lần sau - HS tự đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức, kĩ năng trong một học kì của mình. HS thấy rõ hơn ưu, khuyết điểm của mình trong bày kiểm tra.		
T tuần 1 đến tuần 35 (thực học						
19	37	§1.Góc ở tâm.Số đo cung	1.Góc ở tâm 2.Số đo cung 3.So sánh số đo 2 cung 4.Khi nào sđ cung AB = sđ cung AC + sđ cung CB ?	-HS nắm được định nghĩa góc ở tâm và cung bị chắn -HS thấy được sự tương ứng giữa số đo (độ) của cung và góc ở tâm chắn cung đó trong truờng hợp cung nhỏ hoặc cunng nữa đường tròn và biết suy ra số đo của cung lớn -HS biết so sánh 2 cung trên 1 đường tròn căn cứ vào số đo của chúng -HS hiểu định lí về cộng 2 cung.	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- HS nhận biết được góc ở tâm bằng thước đo góc, biết so sánh 2 cung trên 1 đường tròn và chứng minh được định lí về cộng 2 cung		
19	38	Luyện tập §1	Luyện tập §1	-HS được củng cố các dịnh nghĩa :góc ở tâm ,số đo cung -HS biết so sánh 2 cungvà vận dụng được định lí về cộng 2 cung để giải bài tập -HS bết phân chia trường hợp để tiến hành chứng minh ,biết khẳng định tính đúng dắn của 1 mệnh đề,khái quát bằng 1 chứng minh và bác bỏ 1 mệnh đề khái quát bằng 1 phản VD.	Dạy học trên lớp	
20	39	§2. Liên hệ giữa cung và dây	1. Định lí 1 2. Định lí 2	-HS biết sử dụng các cụm từ “cung căng dây” và “dây căng cung” -HS phát biểu được các định lí 1,2 và hiểu được vì sao các định lí 1,2 chỉ phát biểu đối với các cung nhỏ trên 1 đường tròn hay hai đường tròn bằng nhau. - HS vận dụng được các định lí trên	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				vào giải 1 số bài tập liên quan		
20	40	Luyện tập §2	Luyện tập §2	- Cũng cố và khắc sâu các kiến thức về liên hệ giữa dây và cung . - HS được thực hành nhiều về áp dụng để sóánh hai cung, 2 dây trong một đường tròn hoặc hai đường tròn bằng nhau.	Dạy học trên lớp	
21	41	Góc nội tiếp	1. Định nghĩa 2. Định lý 3. Hệ quả	-Học sinh nắm được định nghĩa góc nội tiếp . -HS nắm được định lí và các hệ quả về số đo của góc nội tiếp . - HS nhận biết được các góc nội tiếp trên 1 đường tròn ,chứng minh được định lí về số đo góc nội tiếp và các hệ quả của định lí . -HS vận dụng về số đo của góc nội tiếp và các hệ quả của định lí vào giải 1 số bài tập liên quan .	Dạy học trên lớp	
21	42	Luyện tập §3	Luyện tập §3.	- Học sinh được củng cố về số đo của góc nội tiếp và các hệ quả - Học sinh vận dụng được dịnh lí	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				và hệ quả vào giải bài tập.		
22	43	§4.Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	1. Khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung 2. Định lí 3. Hệ quả	-HS nắm được khái niệm và định lí về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung - HS biết phân chia các trường hợp để tiến hành chứng minh định lí và áp dụng được định lí vào giải 1 số bài tập liên quan.	Dạy học trên lớp	
22	44	Luyện tập §4	Luyện tập §4	-HS được củng cố định lí hệ quả về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung - HS được vận dụng các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan.	Dạy học trên lớp	
23	45	§5. Góc có đỉnh ở bên trong đ/tròn.Góc có đỉnh ở bên ngòai đ/ tròn	1. Góc có đỉnh ở bên trong đ/tròn 2. Góc có đỉnh ở bên ngòai đ/ tròn	- HS nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn -HS nắm được định lí về số đo của góc đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn. - HS vận dụng được các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
23	46	Luyện tập §5	Luyện tập §5	-HS được củng cố các định lí về số đo của góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung. - HS biết vận dụng các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan	Dạy học trên lớp	
24	47	§6. Cung chứa góc.	1. Bài toán quỹ tích cung chứa góc 2. Cách giải bài toán quỹ tích	-HS hiểu được quỹ tích các điểm nhìn đoạn thẳng AB cho trước dưới 1 góc = 90^0. HS hiểu được quỹ tích cung chứa góc, biết vận dụng mệnh đề thuận, đảo của quỹ tích này để giải toán -Biết trình bày lời giải một bài toán quỹ tích bao gồm phần thuận và phần đảo.	Dạy học trên lớp	1.Bài toán quỹ tích ”cung chứa góc” Thực hiện ?1 và ?2**.** Trong ?2 không yêu cầu chứng minh mục a, b và công nhận kết luận c
24	48	Luyện tập §6	Luyện tập §6	- HS được củng cố cách giải 1 bài toán quỹ tích ,quỹ tích là cung chứa góc - HS được vận dụng các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan .	Dạy học trên lớp	
	49	§7.Tứ giác nội tiếp	1.Khái niệm về tứ	-HS: nắm được khái niệm tứ giác	Dạy học	3. Định lí đảo

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
25			giác nội tiếp 2.Định lí 3.Định lí đảo	nội tiếp -HS nắm được các điều kiện cần và đủ để 1 tứ giác nội tiếp . - HS vận dụng được các kiến thức trên vào giải 1 số bài tập lien quan.	trên lớp	không yêu cầu chứng minh
25	50	Luyện tập §7	Luyện tập §7	- HS được củng cố các định lí về số đo góc của đường tròn ,Định lí về tứ giác nội tiếp ,quỷ tích ,"cung chứa góc" - HS biết vận dụng các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan.	Dạy học trên lớp	
26	51	§8.Đường tròn ngọai tiếp. Đường tròn nội tiếp.	1. Định nghĩa 2. Định lý	-HS hiểu được định nghĩa ,tính chất của đường tròn ngoại tiếp (nội tiếp) một đa giác -HS hiểu được bất kì một đa giác đều nào củng có một đường tròn nội tiếp và 1 đường tròn ngoại tiếp -HS biết vẽ tâm của đa giác đều (đó là tâm của đường tròn ngoại tiếp đồng thời là tâm của đường tròn nội tiếp) từ đó vẽ được đường	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của 1 đa giác đều cho trước .		
26	52	Ôn tập giữa kì 2	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Hệ thống hóa kiến thức và rèn luyện các kĩ năng		
27	53	***iểm tra giữa kì2***	Chương III	- Đánh giá được mức độ tiếp thu kiến thức của hs về chương góc với đường tròn. - Phát hiện được những thiếu sót của hs qua việc vận dụng các định lí, hệ quả về góc với đường tròn và các công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn ; diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn thông qua việc giải bài tập.	Kiểm tra viết trên lớp (tập trung)	
27	54	§9. Độ dài đường tròn , cung tròn	1. Định nghĩa 2. Định lý	- HS nhớ công thức tính độ dài đường tròn C=2.3,14.R (hoặc C=3,14.d) - HS nắm công thức tính độ dài cung tròn và hiểu được số $\pi \approx 3,14$ - HS vận dụng được các kiến thức	Dạy học trên lớp	1. Công thức tính độ dài đường tròn Thay ?1 bằng một bài toán áp dụng công thức tính độ dài

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				trên vào giải các bài tập liên quan		đường tròn.
28	55	Luyện tập §9	Luyện tập §9	-HS được củng cố công thức tính độ dài đường tròn , công thức tính độ dài cung tròn ,Bán kính ,đường kính ,số đo cung . - HS vận dụng tốt các kiến thức trên vào giải các bài tập liên quan	Dạy học trên lớp	
28	56	§10. Diện tích hình tròn , hình quạt tròn.	1. Công thức tính diện tích hình tròn 2. Công thức tính diện tích hình quạt tròn	-Học sinh nhớ công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là S = πR^2 ,học sinh biết cách tính diện tích hình quạt tròn. - Học sinh biết vận dụng các công thức trên vào giải một số bài tập.	Dạy học trên lớp	
29	57	Ôn tập chương III		-Học sinh được ôn tập ,hệ thống hoá các kiến thức của chương -Vận dụng các kiến thức vào giải toán .	Dạy học trên lớp	Không yêu cầu HS làm bài 99 sgk/105
29	58	§1.Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích hình trụ	1. Hình trụ 2. Cắt hình trụ bởi một mặt phẳng 3. Diện tích xung	- Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích	Dạy học trên lớp	
30	59					

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			quanh hình trụ 4.Thể tích hình trụ	của hình trụ.		
31	60	Luyện tập §1	Luyện tập §1	-HS được luyện kĩ năng phân tích đề bài, áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình trụ cùng các công thức suy diễn của nó. - Giải một số kiến thức thực tế về hình trụ.	Dạy học trên lớp	
32	61	§2. Hình nón –H/nón cụt -S xung quanh và V hình nón,h/nón cụt	1.Hình nón 2.Diện tích xung quanh hình nón 3.Thể tích hình nón 4.Hình nón cụt 5.Diện tích xung quanh, thể tích hình nón cụt	- Hiểu và vẽ được hình nón, nón cụt - Nắm chắc và sử dụng thành thạo công thức tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần, thể tích của hình nón, hình nón cụt.	Dạy học trên lớp	
32	62					
32	63	Luyện tập §2	Luyện tập §2	-HS được luyện kĩ năng phân tích đề bài, áp dụng các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của	Dạy học trên lớp	

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				hình nón và hình nón cụt cùng các công thức suy diễn của nó. -giải một số kiến thức thực tế về hình nón và hình nón cụt.		
33 33	64 65	§3. Hình cầu. Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	1. Hình cầu 2. Cắt hình cẩu bởi một mặt phẳng 3. Diện tích mặt cầu	-Nhớ lại và nắm chắc các khái niệm của hình cầu: Tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. - Vận dụng thành thạo công thức tính diện tính mặt cầu và công thức tính thể tích hình cầu.	Dạy học trên lớp	Không yêu cầu HS làm bài 36, 37 sgk/126
33	66	Luyện tập §3	Luyện tập §3	- Củng cố kiến thức về hình cầu cho học sinh - vận dụng kiến thức đã học vào việc giải các bài toán về hình cầu.	Dạy học trên lớp	
34	67	Ôn tập chương IV	1. Lý thuyết 2. Bài tập	-Hệ thống hoá các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu (đáy, chiều cao, . .) - Hệ thống hoá các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích. Rèn luyện kĩ năng áp dụng các công	Dạy học trên lớp	Không yêu cầu HS làm bài 44 Sgk/130

Tuần	Tiết	Tên chủ đ / ài học	Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				thức vào việc giải toán.		
35	68	Ôn tập HKII	1. Lý thuyết 2. Bài tập	Hệ thống kiến thức và rèn luyện các kĩ năng	Dạy học trên lớp	
35	69	***iểm tra***		Kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của học sinh	Kiểm tra tập trung	
35	70	***Trả bài kiểm tra (Phần)***		- Củng cố kiến thức đã học, tự đánh giá năng lực học tập của bản thân để từ đó điều chỉnh việc học của mình cho tốt. - Rèn luyện khả năng làm bài tự luận và trắc nghiệm	Dạy học trên lớp	

1.5. Phân phối chương trình Tin 6

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đ /Bài học	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đ 1: Máy tính và cộng đồng	
1	1	Bài 1: Thông tin và dữ liệu	- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì? - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.

			- Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. - Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.
2	2	Bài 2: Xử lí thông tin	- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thôngtin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.
3	3	Bài 3: Thông tin trong máy tính	- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.
4	4	Bài 3: Thông tin trong máy tính (tt)	- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...
		Chủ đ 2: Mạng máy tính và Internet	
5	5	Bài 4: Mạng máy tính	- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống. - Kể được các thành phần chính của một mạng máytính.
6	6	Bài 4: Mạng máy tính(tt)	- Nêu được một số cách kết nối không dây mà embiết. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.
7	7	Bài 5: Internet	- Biết Internet là gì. - Nêu được một số đặc điểm chính của Internet. - Nêu được một số lợi ích chính của Internet.
8	8	Ôn tập giữa học kỳ 1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.

9	9	Kiểm tra giữa kì 1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
		Chủ đ 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	
10	10	Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt. - Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.
11	11	Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu (tt)	- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...
12	12	Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet	- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước. - Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.
13	13	Bài 8: Thư điện tử	- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác. - Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử. - Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
14	14	Bài 8: Thư điện tử(tt)	- Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử. - Hướng dẫn HS làm bài tập tổng hợp số 1
		Chủ đ 4: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	
15	15	Bài 9: An toàn thông tin trên Internet	- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa. - Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của

			thông tin cá nhân cà tập thể. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.
16	16	Bài 9: An toàn thông tin trên Internet (tt)	- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	18	Kiểm tra cuối học kỳ I	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
		Chủ đ 5: Ứng dụng tin học	
19	19	Bài 10: Sơ đồ tư duy	- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm. - Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.
20	20	Bài 10: Sơ đồ tư duy (tt)	- Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.

21	21	Bài 11: Định dạng văn bản	- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. - Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, đinh dạng văn bản. - Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.
22	22	Bài 11: Định dạng văn bản(tt)	- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in trên văn bản cụ thể trong phần mềm.
23	23	Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng. - Biết cách tạo và định dạng bảng. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.
24	24	Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng (tt)	- Sử dụng thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản để tạo một bài tập hoặc dự án.
25	25	Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế	- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản. - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung - Hướng dẫn HS làm bài tập tổng hợp số 2
26	26	Ôn tập giữa học kỳ 2	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
27	27	Kiểm tra giữa học kỳ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
26	26	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thành sổ lưu niệm	- GV yêu cầu lần lượt các nhóm lên trình bày bài báocáo - Các nhóm tự đánh giá (thông qua các tiêu chí) - GV đánh giá theo công cụ đánh giá đã quy định, chỉnh sửa bổ sung, ghi nhận kết quả thực hiện. trên, tiêu chí này do được GV tạo ra)

			- Sau cùng là GV đánh giá các nhóm thông qua phiếu đánh giá Bài tập nhóm và ý kiến đóng góp bài báo cáo. Công cụ đánh giá (theo mẫu)
		Chủ đ 6: Giải quyết vấn đ với sự trợ giúp của máy tính	
29	29	Bài 15: Thuật toán	- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuậttoán. - Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán
30	30	Bài 15: Thuật toán (tt)	- Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Tạo được sơ đồ khối
31	31	Bài 16: Các cấu trúc điều khiển	- Biết các cấu trúc: + Cấu trúc tuần tự + Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ + Cấu trúc lặp
32	32	Bài 16: Các cấu trúc điều khiển (tt)	- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồkhối.
33	33	Bài 17: Chương trình máy tính	- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu". - Thực hiện được chương trình trên máytính
34	34	Ôn tập cuối học kỳ 2	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.
35	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

1.6. Phân phối chương trình Tin 7

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.
HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đ /Bài học	Yêu cầu cần đạt
Chủ đ 1: Máy tính và cộng đồng			
1	1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau. - Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. - Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính. - Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.
2	2	Bài 2: Phần mềm máy tính	- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành. - Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. - Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. - Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.
3	3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. - Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống vius…
4	4	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính (TT)	-Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa…
Chủ đ 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin			
5	5	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh	-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên

		trao đổi thông tin trên Internet	internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. - Nêu được một số chức năng cơ bảnbản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.
6	6	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet (thực hành)	- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Thao tác thành thạo tạo tài khoản trên mạng xã hội.
Chủ đ 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số			
7	7	Bài 5: Ứng xử trên mạng	-Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa. - Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi. - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.
8	8	Ôn tập giữa học kỳ 1	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
9	9	**Kiểm tra giữa kì 1**	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi chophép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đ 4: : Ứng dụng tin học			

10	10	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính	-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính. - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính,thay đổi độ rộng cột. -Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.
11	11	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	-Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu.
12	12	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính (TT)	-Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.
13	13	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	-Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như:MAX, MIN,SUM, AVERAGE, COUNT…
14	14	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán (TT)	-Thao tác thành tạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT…
15	15	Bài 9: Trình bày bảng tính	-Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.
16	16	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính	- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án. - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra *(hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính),* thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các

			quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	18	**Kiểm tra cuối học kỳ I**	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy vàmở rộng trong phạm vi HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đ 4 : Ứng dụng tin học(tiếp theo)			
19	19	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
20	20	Bài 11: Tạo bài trình chiếu (T/h)	-Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
21	21	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản,ảnh minh họa một cách hợp lí.
22	22	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu (tt)	-Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
23	23	Bài 13: Thực hành tổng hợp	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí.
24	24	Bài 13: Thực hành tổng hợp: hoàn thiện bài trình chiếu (báo cáo dự án)	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu. - Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
Chủ đ 5: Giải quyết vấn đ với sự trợ giúp của máy tính			
25	25	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự.
26	26	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm

		(tt)	kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
27	27	**Ôn tập giữa học kỳ 2**	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
28	28	**Kiểm tra giữa học kỳ 2**	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy vàmở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
Chủ đ 5: Giải quyết vấn đ với sự trợ giúp của máy tính(tiếp theo			
29	29	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
30	30	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	-Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.
31	31	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.
32	32	Bài 16: Thuật toán sắp xếp (tt)	-Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
33	33	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
34	34	**Ôn tập cuối học kỳ 2**	GV nêu rõ hình thức kiểm tra *(hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính)*, thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã

			học.
35	35	**Kiểm tra cuối học kỳ 2**	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

1.7. Phân phối chương trình Tin 8

Cả năm: 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

HK1: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Tên bài học/Chủ đ	Yêu cầu cần đạt
		Chủ đ 1: Máy tính và cộng đồng	
1	1	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	• Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính. • Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.
CĐ 2. Tổ chức, lưu trữ và kìm kiếm và trao đổi thông tin			
2	2	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	– Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lí hiệu quả. - Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh hoạ.
3	3	Bài 2. Thông tin trong môi trường số (tt)	
4	4	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	–Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh hoạ. –Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ
5	5	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số (tt)	

			(thông qua bài tập cụ thể). – Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh hoạ.
Chủ đ 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số			
6	6	Bài 4. Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số.	–Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,... – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.
7	7	ÔN TẬP	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
8	8	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
CĐ 4. Ứng dụng Tin học. Xử lí và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử			
9	9	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	–Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. –Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức. –Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. – Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính.
10	10	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế (tt)	

11	11	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	–Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu. –Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính.
12	12	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu (tt)	
13	13	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ	–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ. – Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính.
14	14	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ (tt)	
CĐ 4a) Chủ đ con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần m m trình chiếu nâng cao			
15a	15	Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	– Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co dãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê.
16a	16	Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản (tt)	
CĐ 4b Chủ đ con (lựa chọn): Làm quen với phần m m chỉnh sửa ảnh			
15b	15	Bài 8b. Phần mềm chỉnh sửa ảnh	-Nêu được chức năng chính của phần mềm chỉnh sửa ảnh -Thực hiện được các thao tác: mở tệp, đọc thông tin, phóng to, thu nhỏ, di chuyển và lưu hình ảnh.
16b	16	Bài 8b. Phần mềm chỉnh sửa ảnh (tt)	
17	17	ÔN TẬP	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
18	18	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1	
CĐ 4a) Chủ đ con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần m m trình chiếu nâng cao (tt)			
19a	19	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho	– Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầutrang

		văn bản	và chân trang cho văn bản.
20a	20	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	–Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung. –Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.
21a	21	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu (tt)	
22a	22	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu	–Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu. –Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. – Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế.
23a	23	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu (tt)	
CĐ 4b Chủ đ con (lựa chọn): Làm quen với phần m m chỉnh sửa ảnh(tt)			
19b	19	Bài 9b. Thay đổi khung hình, kích thước ảnh	-Biết các công cụ cắt, xoay, thay đổi kích thước -Thực hiện được thao tác: cắt, xoay, thay đổi kích thước ảnh
20b	20	Bài 9b. Thay đổi khung hình, kích thước ảnh (tt)	
21b	21	Bài 10b. Thêm văn bản, tạo hiệu ứng cho ảnh	-Thực hiện được các thao tác xử lý ảnh: thêm văn bản, điều chỉnh độ sáng, độ tương phản, làm mờ, làm sắc nét
22b	22	Bài 10b. Thêm văn bản, tạo hiệu ứng cho ảnh (tt)	
23b	23	Bài 11b. Thực hành tổng hợp	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh.
Chủ đ 5: Giải quyết vấn đ với sự trợ giúp của máy tính			
24	24	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	–Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. –Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.
25	25	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình (tt)	
26	26	ÔN TẬP	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu

			hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
27	27	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
Chủ đ 5: Giải quyết vấn đ với sự trợ giúp của máy tính			
28	28	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	– Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
29	29	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu (tt)	
30	30	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan.
31	31	Bài 14. Cấu trúc điều khiển (tt)	
32	32	Bài 15. Gỡ lỗi	Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình.
CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học			
33	33	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	–Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc. –Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học. –Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ.
34	34	ÔN TẬP	GV nêu rõ hình thức kiểm tra (hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.
35	35	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2

			- GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 ph	Tuần 8, 9	Đáp ứng yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	60 ph	Tuần 17, 18	Đáp ứng yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	60 ph	Tuần 26, 27	Đáp ứng yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	60 ph	Tuần 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy

III. Các nội dung khác:

1. Thực hiện khung chương trình năm học, kế hoạch dạy học:

a) hỉ tiêu:

- Thực hiện đúng theo khung chương trình năm học Bộ GD-ĐT ban hành cho năm học 2023-2024.
- Kế hoạch thời gian năm học phải bảo đảm số tuần thực học: 35 tuần thực học (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần).

b) Biện pháp:

- Tổ chức rà soát chương trình theo hướng dẫn của các văn bản: Công văn 2457/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành giáo dục; Quyết định 1664/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chỉ thị 13/CT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về một số nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024; Công văn 491/PGDĐT-THCS ngày 31 tháng 8 năm 2023 của phòng Giáo dục và đào tạo Điện Bàn v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp THCS năm học 2023-2024.
- Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch dạy học, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.
- Xác định mục tiêu bài học đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT.GDPT (Khối 6,7,8 theo CT GDPT 2018, Khối 9 theo CT GDPT 2006).
- Thực hiện thiết kế các tiết học trong sách giáo khoa theo chủ đề đảm bảo đúng hướng dẫn của Bộ GD-ĐT.

2. V thực hiện đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học:

a) Mục tiêu:

- Tăng cường thiện hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học, tự luyện và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh.
- Nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng; ý thức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của giáo viên trong giảng dạy.
- Nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cuối năm học.

b) hỉ tiêu:

- Mỗi giáo viên thực hiện 01 tiết thao giảng/năm học có vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.
- Mỗi giáo viên phải tăng cường công tác dự giờ học hỏi chuyên môn đồng nghiệp thể hiện qua phiếu dự giờ.
- 100% giáo viên tổ dạy học ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

c) Biện pháp:

- Thiết kế các hoạt động phù hợp với học liệu và đối tượng học sinh, lựa chọn thiết bị phù hợp với từng hoạt động và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.
- Vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính chủ động tích cực của học sinh và đáp ứng mục tiêu của từng hoạt động.
- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học.
- Nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT một cách linh hoạt, thành thạo, tổ chức có hiệu quả các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Linh hoạt sử dụng kế hoạch bài dạy, tăng thời lượng làm việc tự chủ của HS, thời gian cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung hoạt động và bài học trực tuyến.
- Tổ chức các hoạt động dạy học theo dự án, thuyết trình, tọa đàm cho học sinh.
- Thao giảng các bài học có ứng dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học mới.
- Dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh, thiết kế các chuỗi hoạt động kích thích sự sáng tạo, chủ động của học sinh trong giải quyết vấn đề.
- Chủ động, tự giác học tập, bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp/kỹ thuật dạy học qua các hoạt động giáo dục, sinh hoạt chuyên môn.
- Tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn đầy đủ, tích cực và hiệu quả.
- Mỗi GV thực hiện một bài học theo chủ đề Stem/HK.

3. Đổi mới kiểm tra và đánh giá:

a) Mục tiêu:
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập và rèn luyện của HS; không so sánh học sinh với nhau.
- Đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh.

b) hỉ tiêu:

*** Môn Toán**
- Kiểm tra thường xuyên: 4 lần/HK (Các hình thức thực hiện: vấn đáp, viết, sản phẩm Stem,...)
- Kiểm tra định kì: 2 lần/HK (1 lần kiểm tra giữa kì, 1 lần kiểm tra cuối kì)

*** Môn Tin**
- Kiểm tra thường xuyên: 2 lần/HK (Các hình thức thực hiện:vấn đáp, viết, dự án,...)
- Kiểm tra định kì: 2 lần/HK (1 lần kiểm tra giữa kì, 1 lần kiểm tra cuối kì)

c) Biện pháp:
- Linh hoạt trong tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh, đánh giá theo chiều hướng phát triển năng lực và sự tiến bộ của học sinh, khuyến khích sự hứng thú học tập và phát huy năng khiếu của học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất.
- Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, đánh giá thông qua các hoạt động trên lớp, giao các nhiệm vụ học tập; đánh giá qua bài thuyết trình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, bài báo cáo, các hoạt động ngoài lớp học.
- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kỳ (giữa kì, cuối kì) theo ma trận thống nhất từng khối lớp.
- Sau mỗi lần kiểm tra định kỳ, đối chiếu kết quả đạt được so với chỉ tiêu phấn đấu đã đăng ký để rút kinh nghiệm, điều chỉnh. Bài kiểm tra định kỳ của học sinh phải có nhận xét sự tiến bộ hay chưa tiến bộ một cách cụ thể của giáo viên bộ môn.
- Thực hiện linh hoạt hình thức, nội dung và thời gian thực hiện kiểm tra thường xuyên , không gây không khí, tâm lý nặng nề, căng thẳng cho học sinh.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chuyên môn

a) Mục tiêu:
- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn: Việc thực hiện chương trình chủ động, linh hoạt, các tiết giảm tải được thống nhất trong các buổi họp và thể hiện cụ thể trong biên bản sinh hoạt tổ, nhóm.
- Trọng tâm các buổi họp xoáy trọng tâm vào việc thảo luận, bàn bạc các vấn đề, các nội dung bài khó hàng tuần, hàng tháng nhằm rút kinh nghiệm trong toàn giáo viên, từ đó đề ra các phương pháp giảng dạy phù hợp.
- Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

- Sinh hoạt định kì tổ nhóm chuyên môn theo qui định: 2 tuần/ 1 lần theo đúng Điều lệ trường Trung học, sắp xếp họp khối ngay sau họp tổ. Nội dung họp cần đi sâu vào chuyên môn (báo cáo chuyên đề, chia sẻ các tình huống khó khăn trong quá trình giảng dạy, cập nhật thông tin liên quan đến các hoạt động dạy học, …). Tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn, chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm dạy học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn (chia sẻ các đề kiểm tra của các đơn vị để cùng học tập, rút kinh nghiệm). Trong đó, có tìm hiểu nội dung chương trình mới theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.
- Rà soát các nội dung chi tiết trong sách giáo khoa, bàn bạc trong khối linh động thay đổi nội dung khi không phù hợp.
- Thực hiện 100% các buổi sinh hoạt tổ, nhóm theo hướng nghiên cứu bài học, thực hiện bài dạy minh họa theo KH tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn .
- Nâng cao vai trò tự chủ của tổ trong công tác chuyên môn và ý thức tự học, tự bồi dưỡng; ý thức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong tổ.

b) hỉ tiêu:

- 100% giáo viên thực hiện chuyên đề, thao giảng theo đúng tiến độ, nội dung đã đăng kí.
- 100% giáo viên trong tổ soạn KHBD áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, khai thác mạng internet phục vụ dạy học.
- 100% giáo viên biết sử dụng phần mềm quản lý và đánh giá kết quả học sinh.
- 100% giáo viên trong tổ tham gia ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

c) Biện pháp:

- Thực hiện sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, cụ thể các vấn đề về nội dung, phương pháp, cách tổ chức hoạt động học tập cho học sinh, cách tích hợp trong đề kiểm tra, cách dạy những bài khó, chia sẻ tư liệu kinh nghiệm khi dạy các bài khó,...
- Triển khai việc đăng kí tham gia thao giảng tiết dạy tốt.
- Giáo viên đăng kí thực hiện chuyên đề: 2 chuyên đề/năm/tổ. Yêu cầu các chuyên đề xoáy vào nội dung chuyên môn trọng tâm: Đổi mới phương pháp, đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
- Triển khai việc đăng kí tham gia thao giảng cấp trường
- Tổ chức họp tổ 2 tuần/lần.
- Mỗi giáo viên thực hiện tiết thao giảng: ít nhất 1 tiết/năm học trong tổ để cùng nhau học tập trao đổi kinh nghiệm.
- Xây dựng và thực hiện biên soạn, dạy các chủ đề dạy học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT về việc thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024.
- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 2 lần/ năm.
- Thao giảng học hỏi chuyên môn đồng nghiệp: 100% giáo viên thực hiện/năm.
- Tham gia dự thi GV dạy giỏi cấp thị xã (môn Tin học)

5. Nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn:

a) Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, tăng tỷ lệ học sinh giỏi (tốt), giảm tỷ lệ học sinh yếu (chưa đạt).
- Chủ động thực hiện linh hoạt, hiệu quả nội dung chương trình giảng dạy, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng.
- Thực hiện có hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực. Đa dạng hình thức học tập, chú trọng hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

b) hỉ tiêu :

- Bộ môn: Toán
  + 85% học sinh có kết quả học tập từ Đạt/Trung bình trở lên.
- Bộ môn: Tin
  + 93% học sinh có kết quả học tập từ Đạt trở lên

c) Biện pháp:

- Thực hiện các chuyên đề thao giảng theo định hướng đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Sau khi kết thúc một học kỳ, tổng hợp các tiết dạy minh họa của giáo viên (phiếu dự giờ, biên bản nhóm đóng góp, giáo án) nộp lại cho PHT chuyên môn lưu trữ.
- Tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học.
- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học.
- Khảo sát chất lượng đầu năm (lớp 6) và trên cơ sở chất lượng khảo sát từ học bạ (lớp 7, 8, 9), tình hình thực tế của lớp để giáo viên tiến hành xây dựng chỉ tiêu phấn đấu cho năm học 2023 – 2024.
- Thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.
- Đổi mới phương pháp/kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh; tích cực xây dựng các chủ đề dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo.
- Đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

6. ồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu:

**** B i d ng h c inh gi i:***

a) Mục tiêu:

- Nhằm nâng cao chất lượng bộ môn.
- Bồi dưỡng, bổ sung và nâng cao kiến thức cho học sinh giỏi của trường, phát huy tinh thần sáng tạo và tự học, tự rèn luyện của các em.

- Chuẩn bị tốt cho kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh.
- Đẩy mạnh hoạt động dạy, tăng tỷ lệ học sinh giỏi của trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra.
- Việc bồi dưỡng học sinh giỏi là trách nhiệm của mỗi một giáo viên khi tham gia giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên phải phát hiện, lựa chọn, bồi dưỡng học sinh để các em có cơ hội phát huy hết khảnăng của mình.
- Xây dựng, nâng cao chất lượng đội tuyển học sinh giỏi để tham gia dự thi học sinh giỏi các môn văn hoá cấp thị xã, tỉnh.
- Chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu các tài liệu liên quan, trao đổi kinh nghiệm,… để nâng cao kết quả dự thi.

b) hỉ tiêu:

- Tham gia đầy đủ các kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh.

Đội tuyển HSG	**Kết quả năm học 2021-2022**		**Chỉ tiêu năm học 2022-2023**	
	Thị xã	**Tỉnh**	**Thị xã**	**Tỉnh**
Toán 9	1ba, 1KK	1KK	3 giải từ KK trở lên	1 giải từ KK trở lên
Toán 8	1 nhì, 2KK		3 giải từ KK trở lên	
Toán 7	1 nhì, 3KK		4 giải từ KK trở lên	
Toán 6	1 nhì, 1 ba, 1 KK		4 giải từ KK trở lên	
Tin 9	2KK		2KK	
Tin 8	1KK		2KK	

c) Biện pháp:

- Xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch bồi dưỡng thật cụ thể, phù hợp để cung cấp vững chắc kiến thức nền, tạo tiền đề cho học sinh tiếp cận với yêu cầu kiến thức của kỳ thi chọn HSG cấp thị xã, cấp tỉnh.
- Viết chuyên đề, tổ chức tọa đàm trao đổi, rút kinh nghiệm.
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi do ngành phát động
- Chọn học sinh để bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm, phân công giáo viên có tay nghề vững chắc về chuyên môn trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự bồi dưỡng thêm ở nhà (đọc sách tham khảo, tài liệu, tư liệu để bồi dưỡng thêm kiến thức cho bản thân nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả bài thi).
- Kết hợp các hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến để bồi dưỡng kiến thức cho họcsinh.

d) Phân công cụ thể nh au:

STT	Họ và tên giáo viên	Phân công dạy bồi dưỡng	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Năm	Toán 9	Từ tháng 6/2023	
2	Đặng Thị Ánh Nguyệt	Toán 9	Từ tháng 6/2023	
3	Lê Thị Thu	Tin 9	Từ tháng 6/2023	
4	La Anh Thy	Toán 6	Từ tháng 9/2023	
5	Nguyễn Thị Phúc	Toán 6	Từ tháng 9/2023	
6	Lê Thị Thanh Xuân	Toán 7	Từ tháng 9/2023	
7	Lê Nguyễn Hòa Ngân	Toán 7	Từ tháng 9/2023	
8	Nguyễn Trường Hùng	Toán 8	Từ tháng 9/2023	
9	Lê Hoàng Thảo My	Toán 8	Từ tháng 9/2023	
10	Trần Thị Ánh Ngọc	Tin 8	Từ tháng 9/2023	

* ***Phụ đạo h c inh y u kém:***

a) Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém ở các bộ môn, ở các khối lớp.
- Từng bước khắc phục tình trạng học sinh có điểm kém.
- Giảm sự chênh lệch giữa các lớp bằng cách nâng cao chất lượng các lớp có nhiều học sinh yếu.
- Phát hiện kịp thời những kiến thức học sinh còn yếu và có biện pháp phụ đạo thích hợp.
- Tăng cường kiểm tra học sinh cá biệt về tập vở, sách giáo khoa. . .
- Giao bài tập vừa sức học sinh.
- Rút kinh nghiệm trong nhóm sau mỗi bài kiểm tra, trao đổi trong nhóm.
- Thường xuyên kết hợp tham khảo ý kiến các giáo viên chủ nhiệm, trao đổi kịp thời với cha mẹ học sinh.
- Tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở giúp đỡ các em chậm phát triển hòa nhập.

b) hỉ tiêu:

- Giảm tỉ lệ học sinh yếu kém (chưa đạt) sau các đợt kiểm tra xuống dưới 15% đối với bộ môn Toán, dưới 7% đối với bộ môn Tin.
- 100% giáo viên thực hiện phụ đạo học sinh yếu của học sinh lớp mình phụ trách.

c) Biện pháp:

- Bắt đầu thực hiện phụ đạo học sinh yếu sau kì kiểm tra đánh giá giữa học kì 1. Thông qua bài kiểm tra giữa học kỳ 1, lọc danh sách học sinh có điểm kiểm tra dưới trung bình và giáo viên giảng dạy mỗi lớp sẽ tập trung phụ đạo cho học sinh lớp đang giảng dạy.
- Sau khi học sinh đạt điểm trung bình ở bài Kiểm tra cuối kì I thì đưa ra khỏi danh sách phụ đạo.
- Xây dựng chương trình phụ đạo học sinh yếu, kém (chưa đạt) trong HKI,HKII.
- Tăng cường kiểm tra theo dõi, giúp đỡ các đối tượng học sinh yếu kém (chưa đạt) trong từng tiết dạy để uốn nắn cho các em về những kiến thức, kĩ năng mà các em còn chưa lĩnh hội được.
- Thường xuyên chú ý đến việc học bài, làm bài đối với các em học yếu để kịp thời nhắc nhở, động viên cho các em học tốt hơn.
- Tăng cường kiểm tra theo dõi qua mỗi học kì.
- Mỗi giáo viên linh động phụ đạo học sinh yếu, kém lớp mình giảng dạy theo kế hoạch.
- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, với địa phương trong quá trình giáo dục học sinh tại trường.
- Giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh yếu kém (chưa đạt) với nội dung, biện pháp giảng dạy sao cho phù hợp, bao gồm những kiến thức các em bị hỏng, chưa hiểu, làm không được.
- Mỗi giáo viên tự phụ đạo học sinh yếu lớp mình phụ trách giảng dạy, theo dõi, tiến độ học tập của học sinh hàngtháng.

7. Thực hiện các quy định v chuyên môn:

a) hoạch bài dạy:

- Giáo án đảm bảo cấu trúc mới theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực
- Kế hoạch bài dạy phải tăng thời lượng làm việc tự chủ của HS, thời gian cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung hoạt động và bài học trực tuyến; vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính chủ động tích cực của học sinh và đáp ứng mục tiêu của từng hoạt động.
- Kế hoạch bài dạy phải thể hiện cụ thể phương pháp, kỹ thuật dạy học ở mỗi hoạt động; đảm bảo theo đúng bố cục bài soạn được qui định thống nhất trong tổ chuyên môn.

b) hấm và trả bài kiểm tra cho h c inh:

- Đối với những bài kiểm tra cần lưu ý để học sinh ghi nhớ và rút kinh nghiệm cho lần làm bài sau.
- Vào điểm kiểm tra thường xuyên, định kì đúng kế hoạch và qui định của tổ chuyên môn và nhà trường.

c) Thực hiện h ơ ổ ách:

- Đối với giáo viên: Thực hiện đầy đủ hồ sơ sổ sách theo quy đinh :
    + Kế hoạch giáo dục của giáo viên
    + Kế hoạch bài dạy (giáo án).
    + Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.

+ Sổ sinh hoạt chuyên môn (ghi chép nội dung các cuộc họp, phiếu dự giờ đồng nghiệp).
+ Sổ chủ nhiệm *(nếu có làm công tác chủ nhiệm)*.

- Thực hiện đưa kế hoach bài dạy lên hệ thống vnedu theo đúng thời gian quy định từ ngày 1 đến ngày 5 hằng tháng. Thực hiện chỉnh sửa nếu chưa đạt yêu cầu sau khi TT kiểm duyệt.
- Tăng cường ứng dụng CNTT có hiệu quả trong việc dạy và học.

8. Công tác dự giờ, kiểm tra nội bộ:

STT	HỌ VÀ TÊN GV	Thao giảng	Kiểm tra chuyên đ	Kiểm tra HĐSPNG	áo cáo chuyên đ và dạy minh họa (ghi rõ thời điểm và nhiệm vụ: báo cáo hay dạy minh họa)
1	Nguyễn Thị Năm	Tháng 4	X (tháng 9)	HKI	
2	Đặng Thị Ánh Nguyệt	Tháng 3	X (tháng 4)		
3	Lê Thị Thanh Xuân	Tháng 12	X (tháng 1)		
4	Lê Hoàng Thảo My	Tháng 9	X (tháng 10)	HKI	
5	Lê Nguyễn Hòa Ngân	Tháng 11			
6	Nguyễn Trường Hùng	Tháng 11	X (tháng 2)		Dạy minh họa chuyên đề (HKI)
7	Nguyễn Thị Phúc	Tháng 2	X (tháng 12)	HKII	Báo cáo chuyên đề (HKI)
8	La Anh Thy	Tháng 1	X (tháng 12)		
9	Nguyễn Thị Bích Hà	Tháng 5	X (tháng 3)	HKII	

10	Lê Thị Thu	Tháng 3	X (tháng 9)		Dạy minh họa chuyên đề (HKII)
11	Trần Thị Ánh Ngọc	Tháng 10	X (tháng 4)		Báo cáo chuyên đề (HKII)
12	Đỗ Lê Kiều Oanh	Tháng 10	X (tháng 3)		
13	Trương Thị Minh Hiếu	Tháng 12	X (tháng 10)		
14	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tháng 4	X (tháng 11)		
15	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Tháng 3	X (tháng 11)		

9. Đăng kí thi đua

- Tổ đạt danh hiệu : Tiên tiến
- 100% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức đạt từ loại khá trở lên.
- 5 giáo viên có SKKN cấp trường.
- Tổng hợp đăng ký thi đua cá nhân tổ

STT	Họ và tên giáo viên	Danh hiệu đăng kí	Đ tài SKKN	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Năm	CSTĐ CS	Biện pháp duy trì bồi dưỡng HSG Toán 9	
2	Đặng Thị Ánh Nguyệt	CSTĐ CS	Một số kinh nghiệm xây dựng lớp chủ nhiệm vững mạnh xuất sắc	
3	Lê Thị Thanh Xuân	CSTĐ CS	Sử dụng sơ đồ phân tích đi lên trong chứng minh hình học 9	
4	Lê Hoàng Thảo My	CSTĐ CS	Sử dụng phương pháp trò chơi để tạo hứng thú nhằm nâng cao chất lượng môn Toán 7	
5	Lê Nguyễn Hòa Ngân	LĐTT		
6	Nguyễn Trường Hùng	CSTĐ CS	Một số kinh nghiệm dạy tốt dạng toán tìm x ở lớp 6 theo bộ sách KNTT	
7	Nguyễn Thị Phúc	CSTĐ CS	Xây dựng bài toán từ cơ bản đến nâng cao để phát huy năng lực của học sinh.	

8	La Anh Thy	LĐTT		
9	Nguyễn Thị Bích Hà	LĐTT		
10	Lê Thị Thu	CSTĐ CS	Biện pháp giúp học sinh thích ứng tốt với phần mềm Scratch	
11	Trần Thị Ánh Ngọc	CSTĐ CS	Giúp học sinh nâng cao khả năng tiếp cận với môi trường số tại trường THCS	

IV.Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Đi u kiện thực hiện (8)
1	Đánh giá sản phẩm Stem cấp trường	- **Kiến thức, kĩ năng:** Tổng hợp trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học. - **Năng lực:** Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, năng lực toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ,... - **Phẩm chất:** Yêu nước, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, chăm chỉ.	Ngoại khóa 1 buổi	Tháng 12	Sân trường	+ Tổ Toán –Tin + Tổ KHTN	+ Bộ phận Chuyên môn nhà trường + Ban HĐ NGLL	+ Sân, bàn trưng bày + Kinh phí tổ chức và khen thưởng
2	Đố vui để học	- **Kiến thức, kĩ năng:** Kiến thức ở tất cả các bộ môn và sự kiện, xã hội đặc biệt. - **Năng lực:** Giao tiếp, hợp	Ngoại khóa 1 buổi	Tháng 2	Sân trường	+ Tổ Toán –Tin	+ Các tổ chuyên môn: Văn – NT; Sử - Địa – CD; Ngoại	+ Sân bãi. + Kinh phí tổ chức và khen thưởng

		tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, năng lực toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ,... **- Phẩm chất:** Yêu nước, trách nhiệm, nhân ái, trung thực, chăm chỉ.					ngữ - Thể dục; KHTN. + Bộ phận Chuyên môn nhà trường + Ban HĐ NGLL	
3	Tổ chức HĐTN theo chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	- **Kiến thức, kĩ năng:** rèn luyện thói quen ngan nắp, gọn gàng sạch sẽ, biết cách quản lý chi tiêu. - **Năng lực:** Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, năng lực toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ,... **- Phẩm chất:** Yêu bản thân, gia đình,trách nhiệm, nhân ái, trung thực, chăm chỉ.	4 tiết	Tháng 1	Sân trường	Tổ Toán Tin	Ban NGLL	+ Tài liệu HĐTN. + Kinh phí tổ chức và khen thưởng
4	Tổ chức HĐTN theo chủ đề 8: Khám phá thế giơi nghề nghiệp	- **Kiến thức, kĩ năng:** nắm được 1 số nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam và chỉ ra được vai trò kinh tế xã hội của nghề đó. **Năng lực:** Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và phân tích được yêu cầu về	4 tiết	Tháng 4	Sân trường	Tổ Toán Tin	Ban NGLL	+ Tài liệu HĐTN. + Kinh phí tổ chức và khen thưởng

		phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm. **- Phẩm chất:** Yêu bản thân, gia đình,trách nhiệm, nhân ái, trung thực, chăm chỉ. Biết giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.						

Trên đây là Kế hoạch dạy học của bộ môn Toán, Tin nămhọc 2023 – 2024 của Trường THCS Dũng Sĩ Điện Ngọc./.

Điện Ngọc, ngày 10 tháng 9 năm 2023

Duyệt của lãnh đạo

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Hồng Nguyệt

TỔ TRƯỞNG

Lê Nguyễn Hòa Ngân